

Số: 27 /2015/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2015

THÔNG TƯ

**Về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường
và kế hoạch bảo vệ môi trường**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết thi hành điểm c Khoản 1 Điều 32 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Khoản 5 Điều 8, Khoản 7 Điều 12, Khoản 4 và Khoản 6 Điều 14, Khoản 2 Điều 16, Khoản 4 Điều 17, Khoản 5 Điều 19 và Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 18/2015/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Chương II

ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

Điều 3. Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược

1. Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc Danh mục các đối tượng phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP có trách nhiệm lập, gửi hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến cơ quan thẩm định, gồm:

a) Một (01) văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 1.1 Thông tư này;

b) Chín (09) bản báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và chín (09) bản dự thảo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn chín (09) người, cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phải cung cấp thêm số lượng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược. Hình thức trang bìa, trang phụ bìa và yêu cầu về cấu trúc và nội dung của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thực hiện theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục 1.2 và 1.3 Thông tư này.

2. Trường hợp điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP:

a) Cơ quan lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch gửi đến Bộ Tài nguyên và Môi trường một (01) văn bản giải trình các nội dung điều chỉnh của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các vấn đề môi trường liên quan kèm theo một (01) dự thảo điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

b) Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và cơ quan phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Điều 4. Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

1. Việc thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thực hiện thông qua hội đồng thẩm định do thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định thành lập với cơ cấu, thành phần quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

2. Hoạt động của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy định tại Chương V Thông tư này.

3. Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy định tại Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thẩm định có văn bản thông báo gửi cơ quan đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược để biết, bổ sung, hoàn thiện.

Điều 5. Tiếp thu ý kiến thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

1. Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của hội đồng thẩm định và gửi lại cơ quan thẩm định:

a) Một (01) văn bản giải trình về việc tiếp thu ý kiến của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 1.4 Thông tư này;

b) Một (01) bản báo cáo đánh giá môi trường chiến lược kèm theo một (01) bản được ghi trên đĩa CD; một (01) dự thảo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được hoàn chỉnh trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của hội đồng thẩm định.

2. Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đã hoàn chỉnh trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến hội đồng thẩm định do cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch gửi đến, cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo mẫu quy định tại Phụ lục 1.5 Thông tư này.

Chương III
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Chủ dự án của các đối tượng quy định tại Khoản 5 Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP có trách nhiệm lập, gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

1. Một (01) văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.1 Thông tư này.

2. Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn bảy (07) người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường. Hình thức trang bìa, trang phụ bìa và yêu cầu về cấu trúc và nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục 2.2 và 2.3 Thông tư này.

3. Một (01) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác.

Điều 7. Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

1. Chủ dự án phải thực hiện việc tham vấn theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 Điều 12 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

2. Văn bản của chủ dự án gửi xin ý kiến tham vấn thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.4 Thông tư này.

3. Văn bản trả lời của cơ quan, tổ chức được xin ý kiến tham vấn thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.5 Thông tư này.

4. Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.6 Thông tư này.

5. Trong quá trình tham vấn, chủ dự án có trách nhiệm bảo đảm văn bản xin ý kiến tham vấn kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được gửi đến các cơ quan, tổ chức được tham vấn.

6. Thời hạn trả lời bằng văn bản đối với cơ quan, tổ chức được tham vấn ý kiến tối đa là mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến tham vấn do chủ dự án gửi đến.

7. Trường hợp dự án thuộc địa bàn từ hai (02) xã trở lên, chủ dự án được lựa chọn hình thức cuộc họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án theo từng xã hoặc liên xã.

Điều 8. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được thực hiện thông qua hội đồng thẩm định, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

2. Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thẩm định phải có văn bản thông báo cho chủ dự án.

3. Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định được tiến hành các hoạt động sau đây:

a) Khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án và khu vực kế cận;

b) Lấy mẫu phân tích kiểm chứng;

c) Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường;

d) Tổ chức các cuộc họp đánh giá theo chuyên đề.

4. Hoạt động của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định tại Chương V Thông tư này.

Điều 9. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, chủ dự án hoàn thiện và gửi cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, gồm:

a) Một (01) văn bản đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của hội đồng thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung;

b) Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển gáy cứng, chủ dự án ký vào phía dưới của từng trang báo cáo kể cả phụ lục (trừ trang bìa thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.2 Thông tư này) với số lượng đủ để gửi tới các địa chỉ quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư này kèm theo một (01) đĩa CD trên đó chứa một (01) tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và một (01) tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (kể cả phụ lục).

2. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường do chủ dự án gửi đến, cơ quan thẩm định có trách nhiệm:

a) Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.7 Thông tư này và xác nhận vào mặt sau trang phụ bìa của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.8 Thông tư này;

b) Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi quyết định phê duyệt và báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi xác nhận đến chủ dự án và các cơ quan liên quan, cụ thể như sau:

a) Đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường: gửi quyết định phê duyệt kèm báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án;

b) Đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt của các Bộ, cơ quan ngang Bộ: gửi quyết định phê duyệt đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi quyết định phê duyệt kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án, trừ dự án thuộc phạm vi bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh;

c) Đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: gửi quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án; gửi quyết định phê duyệt

kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Sở Tài nguyên và Môi trường và đến Ban quản lý các khu công nghiệp trong trường hợp dự án thực hiện trong khu công nghiệp.

4. Sau khi nhận được quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường do các Bộ, cơ quan ngang Bộ gửi đến, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sao lục và gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và Ban quản lý các khu công nghiệp đối với dự án thực hiện trong khu công nghiệp.

Điều 10. Trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt

1. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

2. Lập kế hoạch quản lý môi trường trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; trường hợp có thay đổi chương trình quản lý và giám sát môi trường thì phải cập nhật kế hoạch quản lý môi trường và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Khoản 3 Điều này. Hình thức trang bìa, trang phụ bìa và yêu cầu về cấu trúc, nội dung thực hiện theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục 2.9 và 2.10 Thông tư này.

3. Gửi kế hoạch quản lý môi trường đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường để được niêm yết công khai trước khi khởi công xây dựng. Mẫu văn bản của chủ dự án gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường thực hiện theo quy định tại Phụ lục 2.11 Thông tư này.

4. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đến các tổ chức đã tiến hành tham vấn và cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.12 Thông tư này; tổ chức vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm dự án. Trường hợp gây ra sự cố môi trường thì phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung tiếp nhận dự án đầu tư không phù hợp ngành nghề thu hút đầu tư trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, chủ đầu tư dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phải có văn bản giải trình gửi cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và chỉ thực hiện các thủ tục tiếp nhận đầu tư sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6. Trường hợp có thay đổi chủ dự án, chủ dự án mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt.

Điều 11. Ủy quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được ủy quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường khi Ban quản lý các khu công nghiệp đã thành lập Phòng Quản lý môi trường và có đủ biên chế từ năm (05) người trở lên có chuyên môn về bảo vệ môi trường.

2. Việc ủy quyền quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ áp dụng đối với các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đầu tư vào các khu công nghiệp đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đã hoàn thành xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản đến Bộ Tài nguyên và Môi trường xin ý kiến về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.13 Thông tư này. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trả lời Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng văn bản.

4. Trên cơ sở ý kiến chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bằng quyết định theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.14 Thông tư này.

5. Ban quản lý các khu công nghiệp có trách nhiệm thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với vai trò của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chịu sự kiểm tra, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Chương IV
KIỂM TRA, XÁC NHẬN CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH CỦA DỰ ÁN

Điều 12. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án

1. Chủ dự án của các đối tượng quy định tại cột 4 Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP phải lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án và gửi cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường để được kiểm tra, xem xét cấp giấy xác nhận theo quy định tại Khoản 6 Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

2. Hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án bao gồm:

a) Một (01) văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 3.1 Thông tư này;

b) Một (01) bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt;

c) Bảy (07) bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 3.2 Thông tư này. Trường hợp dự án nằm trên địa bàn từ hai (02) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, chủ dự án phải gửi thêm số lượng báo cáo bằng số lượng các tỉnh tăng thêm để phục vụ công tác kiểm tra.

3. Trường hợp dự án có nhiều phân kỳ đầu tư hoặc có các hạng mục độc lập, chủ dự án được lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành cho từng phân kỳ đầu tư hoặc cho từng hạng mục độc lập của dự án với điều kiện đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành cho từng phân kỳ đầu tư hoặc cho từng hạng mục độc lập của dự án.

4. Dự án được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 1993 hoặc Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 nhưng không thuộc danh mục quy định tại cột 4 Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, chủ dự án được miễn trừ trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án.

Điều 13. Kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án

1. Việc kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án được tiến hành thông qua đoàn kiểm tra do thủ trưởng cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cơ quan được ủy quyền (sau đây gọi chung là cơ quan kiểm tra) thành lập. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra việc thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 3.3 Thông tư này.

2. Thành phần của đoàn kiểm tra gồm: công chức của cơ quan kiểm tra và các chuyên gia về môi trường, lĩnh vực liên quan đến dự án với cơ cấu gồm: Trưởng đoàn, một (01) Phó Trưởng đoàn trong trường hợp cần thiết, một (01) Thư ký và một số thành viên.

3. Trường hợp kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án không do Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện, ngoài thành phần quy định tại Khoản 2 Điều này, trong thành phần đoàn kiểm tra còn có đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường nơi thực hiện dự án.

4. Trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ngoài thành phần quy định tại Khoản 2 Điều này, thủ trưởng cơ quan kiểm tra quyết định việc mời đại diện cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp huyện nơi thực hiện dự án tham gia đoàn kiểm tra.

Điều 14. Nguyên tắc làm việc của đoàn kiểm tra

1. Đoàn kiểm tra làm việc theo nguyên tắc thảo luận công khai giữa các thành viên và giữa các thành viên với đại diện chủ dự án trong các cuộc họp và trong quá trình kiểm tra thực tế các công trình bảo vệ môi trường đã thực hiện.

2. Việc kiểm tra thực tế các công trình bảo vệ môi trường của dự án được tiến hành khi:

a) Có sự tham gia của ít nhất hai phần ba (2/3) số lượng thành viên đoàn kiểm tra, trong đó phải có Trưởng đoàn (hoặc Phó Trưởng đoàn khi được Trưởng đoàn ủy quyền) và Thư ký đoàn kiểm tra;

b) Có sự tham gia của đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên đoàn kiểm tra

1. Trách nhiệm và quyền hạn chung của các thành viên đoàn kiểm tra:

a) Nghiên cứu hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án;

b) Tham gia các cuộc họp của đoàn kiểm tra và các hoạt động kiểm tra thực tế việc hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án;

c) Đối thoại với chủ dự án về các công trình bảo vệ môi trường đã được chủ dự án thực hiện trong quá trình kiểm tra thực tế;

d) Viết bản nhận xét, đánh giá việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 3.4 Thông tư này gửi Trưởng đoàn kiểm tra (thông qua Thư ký) để tổng hợp; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá của mình;

đ) Quản lý các tài liệu được cung cấp theo quy định của pháp luật và nộp lại khi có yêu cầu của cơ quan thực hiện việc kiểm tra sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

e) Được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình kiểm tra thực tế.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Thư ký đoàn kiểm tra:

Ngoài trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Khoản 1 Điều này, Thư ký đoàn kiểm tra còn có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a) Liên hệ với chủ dự án, các thành viên đoàn kiểm tra, các tổ chức, cá nhân có liên quan để sắp xếp lịch trình công tác của đoàn kiểm tra;

b) Tổng hợp ý kiến nhận xét, đánh giá của các thành viên đoàn kiểm tra và báo cáo Trưởng đoàn;

c) Dự thảo biên bản kiểm tra việc hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án.

3. Phó trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm và quyền hạn của thành viên đoàn quy định tại Khoản 1 Điều này và của Trưởng đoàn kiểm tra quy định tại Khoản 4 Điều này trong trường hợp được Trưởng đoàn ủy quyền.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của Trường đoàn kiểm tra:

Ngoài trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Khoản 1 Điều này, Trường đoàn kiểm tra còn có trách nhiệm và quyền hạn sau:

- a) Chịu trách nhiệm chung về hoạt động của đoàn kiểm tra;
- b) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn kiểm tra;
- c) Chủ trì và điều hành các cuộc họp của đoàn kiểm tra;
- d) Chủ trì xử lý các kiến nghị của các thành viên đoàn kiểm tra, của chủ dự án và đại diện các cơ quan liên quan trong quá trình kiểm tra thực tế và đưa ra kết luận;
- đ) Trong trường hợp cần thiết, quyết định việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích các chỉ tiêu môi trường của chất thải trước khi thải ra môi trường để kiểm chứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Nội dung và hình thức thể hiện kết quả kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án

1. Kết quả kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường của dự án phải được thể hiện dưới hình thức biên bản kiểm tra thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 3.5 Thông tư này.

2. Nội dung biên bản kiểm tra phải thể hiện trung thực, khách quan về thực trạng các công trình bảo vệ môi trường đã thực hiện trên thực tế ở thời điểm kiểm tra.

3. Trong ngày kết thúc việc kiểm tra, biên bản kiểm tra phải được Trường đoàn kiểm tra (hoặc Phó trưởng đoàn kiểm tra trong trường hợp được Trường đoàn kiểm tra ủy quyền), Thư ký đoàn kiểm tra và đại diện có thẩm quyền của chủ dự án ký vào từng trang, ký và ghi rõ họ tên, chức danh ở trang cuối cùng.

Điều 17. Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường

1. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, trường hợp công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đã được xây dựng phù hợp với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và văn bản chấp thuận cho phép điều chỉnh, thay đổi của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có), trong thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, cơ quan kiểm tra cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án. Trường hợp công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án chưa đáp ứng các yêu cầu, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan kiểm tra có thông báo bằng văn bản đến chủ dự án.

2. Chủ dự án có trách nhiệm khắc phục các vấn đề còn tồn tại đối với công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án và báo cáo cơ quan kiểm tra để được xem xét, xác nhận. Cơ quan kiểm tra có trách nhiệm xem xét, cấp giấy xác nhận hoặc có văn bản trả lời chủ dự án trong thời hạn năm (05) ngày làm việc.

3. Mẫu giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án quy định tại Phụ lục 3.6 Thông tư này.

Chương V
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG
CHIẾN LƯỢC, HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Điều 18. Thành phần và nguyên tắc làm việc của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (sau đây gọi chung là hội đồng thẩm định) được thành lập cho từng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, từng báo cáo đánh giá tác động môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 4.1 Thông tư này.

2. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tư vấn cho Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan thẩm định về kết quả thẩm định.

3. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc thảo luận công khai giữa các thành viên hội đồng thẩm định, giữa hội đồng thẩm định với cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch hoặc chủ dự án (sau đây gọi chung là chủ dự án).

4. Các hoạt động của hội đồng thẩm định thực hiện thông qua cơ quan thường trực thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phân công. Trách nhiệm của cơ quan thường trực thẩm định quy định tại Điều 25 Thông tư này.

Điều 19. Điều kiện, tiêu chí đối với các chức danh của hội đồng thẩm định

1. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hội đồng phải là chuyên gia môi trường hoặc chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên môn của dự án với ít nhất bảy (07) năm kinh nghiệm nếu có bằng đại học, ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm nếu có bằng thạc sỹ, ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm nếu có bằng tiến sỹ, hoặc phải là lãnh đạo của cơ quan thẩm định hoặc cơ quan thường trực thẩm định.

2. Ủy viên phản biện phải là chuyên gia môi trường hoặc chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên môn của dự án với ít nhất bảy (07) năm kinh nghiệm nếu có bằng đại học, ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm nếu có bằng thạc sỹ, ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm nếu có bằng tiến sỹ.

3. Ủy viên thư ký phải là công chức của cơ quan thường trực thẩm định.

4. Ủy viên hội đồng phải là chuyên gia môi trường hoặc chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên môn liên quan đến dự án với ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm nếu có bằng đại học, ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm nếu có bằng thạc sỹ, ít nhất một (01) năm kinh nghiệm nếu có bằng tiến sỹ.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy viên hội đồng

1. Xem xét báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường và các hồ sơ, tài liệu liên quan do cơ quan thường trực thẩm định cung cấp.

2. Tham gia các cuộc họp của hội đồng thẩm định, các hội nghị, hội thảo chuyên đề, các hoạt động điều tra, khảo sát được tổ chức trong quá trình thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường theo sự bố trí của cơ quan thường trực thẩm định.

3. Viết báo cáo chuyên đề phục vụ việc thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường theo sự phân công của cơ quan thường trực thẩm định.

4. Viết bản nhận xét về báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 4.2 Thông tư này gửi cơ quan thường trực thẩm định trước phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định ít nhất một (01) ngày làm việc; trình bày bản nhận xét tại phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định.

5. Viết phiếu thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 4.3 Thông tư này.

6. Viết nhận xét về báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung sau phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan thường trực thẩm định.

7. Quản lý các tài liệu được cung cấp theo quy định của pháp luật và nộp lại các tài liệu này khi có yêu cầu của cơ quan thường trực thẩm định sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

8. Chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đưa ra đối với báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường và những nội dung công việc được phân công trong quá trình thẩm định.

Điều 21. Quyền hạn của Ủy viên hội đồng

1. Ủy viên hội đồng có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu cơ quan thường trực thẩm định cung cấp các tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị thẩm định để nghiên cứu, đánh giá;

b) Yêu cầu cơ quan thường trực thẩm định tổ chức các cuộc họp, hội nghị chuyên đề và các hoạt động khác để phục vụ trực tiếp việc thẩm định;

c) Tham dự các cuộc họp của hội đồng thẩm định; tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên đề và các hoạt động khác để phục vụ trực tiếp việc thẩm định theo bố trí của cơ quan thường trực thẩm định;

d) Đối thoại trực tiếp với chủ dự án và đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường tại phiên họp của

hội đồng thẩm định; được bảo lưu ý kiến trong trường hợp có ý kiến khác với kết luận của hội đồng thẩm định.

2. Được hưởng thù lao theo chế độ tài chính hiện hành khi thực hiện nhiệm vụ; được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn, ở và các chi phí khác theo quy định của pháp luật khi tham gia các hoạt động của hội đồng thẩm định.

Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên phản biện

1. Chủ tịch hội đồng có trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên hội đồng quy định tại các Điều 20 và 21 Thông tư này và còn có trách nhiệm, quyền hạn sau đây:

- a) Điều hành các cuộc họp của hội đồng thẩm định;
- b) Xử lý các ý kiến được nêu trong các cuộc họp của hội đồng thẩm định và kết luận các cuộc họp của hội đồng thẩm định;
- c) Ký biên bản cuộc họp và chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về các kết luận đưa ra trong các cuộc họp của hội đồng thẩm định.

2. Phó Chủ tịch hội đồng có trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên hội đồng quy định tại các Điều 20 và 21 Thông tư này và của Chủ tịch hội đồng trong trường hợp được Chủ tịch hội đồng ủy quyền.

3. Ủy viên phản biện có trách nhiệm và quyền hạn quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7 và 8 Điều 20 và Điều 21 Thông tư này; viết nhận xét về nội dung của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục 4.4 và 4.5 Thông tư này.

Điều 23. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên thư ký

Ngoài trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên hội đồng quy định tại các Điều 20 và 21 Thông tư này, Ủy viên thư ký còn có trách nhiệm và quyền hạn sau:

1. Cung cấp mẫu bản nhận xét và mẫu phiếu thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các thành viên hội đồng thẩm định.

2. Báo cáo Chủ tịch hội đồng về những tồn tại chính của hồ sơ trên cơ sở tự nghiên cứu và tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng thẩm định.

3. Thông tin cho hội đồng thẩm định ý kiến nhận xét của các thành viên hội đồng thẩm định không tham dự phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định và ý kiến bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi cơ quan thường trực thẩm định (nếu có).

4. Ghi và ký biên bản các cuộc họp của hội đồng thẩm định; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực nội dung biên bản các cuộc họp của hội đồng thẩm định.

5. Lập hồ sơ chứng từ phục vụ việc thanh quyết toán các hoạt động của hội đồng thẩm định.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho hoạt động của hội đồng thẩm định theo yêu cầu của cơ quan thường trực thẩm định.

Điều 24. Trách nhiệm và quyền hạn của thành viên hội đồng là đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia hội đồng thẩm định do các Bộ, cơ quan ngang bộ thành lập

Ngoài trách nhiệm và quyền hạn của thành viên hội đồng tương ứng với chức danh cụ thể trong hội đồng, thành viên hội đồng là đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia hội đồng thẩm định do các Bộ, cơ quan ngang bộ thành lập còn có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Thu thập, cung cấp cho hội đồng thẩm định các thông tin, tài liệu liên quan đến chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và dự án; chịu trách nhiệm về các thông tin, tài liệu cung cấp cho hội đồng thẩm định.

2. Trong trường hợp không tham gia các hoạt động của hội đồng thẩm định, được ủy quyền bằng văn bản cho người cùng cơ quan tham gia với trách nhiệm, quyền hạn tương ứng của mình trong hội đồng.

Điều 25. Trách nhiệm của cơ quan thường trực thẩm định

1. Dự thảo quyết định thành lập hội đồng thẩm định, trình thủ trưởng cơ quan thẩm định xem xét, quyết định.

2. Liên hệ, đề nghị chủ dự án cung cấp bổ sung các tài liệu liên quan trong trường hợp cần thiết và gửi đến các thành viên hội đồng thẩm định trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thành lập hội đồng thẩm định.

3. Thu thập, cung cấp các thông tin liên quan đến chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án cho hội đồng thẩm định.

4. Tổ chức các cuộc họp của hội đồng thẩm định và các hoạt động quy định tại Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

5. Thông báo kết quả thẩm định và những yêu cầu liên quan đến việc hoàn chỉnh hồ sơ thẩm định trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc sau khi kết thúc cuộc họp thẩm định cuối cùng của hội đồng thẩm định. Nội dung thông báo phải chỉ rõ một (01) trong các tình trạng sau đây về kết quả thẩm định: thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua.

6. Tổ chức rà soát nội dung báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi được chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung; gửi văn bản đề nghị một số thành viên hội đồng thẩm định tiếp tục cho ý kiến nhận xét về báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường trong trường hợp cần thiết.

7. Dự thảo văn bản báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch hoặc quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

8. Lập dự toán, thanh toán các khoản chi phí cho hoạt động của hội đồng thẩm định.

Điều 26. Điều kiện tiến hành phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định

Phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định chỉ được tiến hành khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có sự tham gia (hiện diện trực tiếp tại phiên họp hoặc tham gia họp trực tuyến) từ hai phần ba (2/3) trở lên số lượng thành viên hội đồng thẩm định, trong đó bắt buộc phải có Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch hội đồng trong trường hợp được Chủ tịch hội đồng ủy quyền (sau đây gọi chung là người chủ trì phiên họp), Ủy viên thư ký và ít nhất một (01) Ủy viên phản biện.

2. Có sự tham gia của đại diện có thẩm quyền của chủ dự án hoặc người được cấp có thẩm quyền của chủ dự án ủy nhiệm tham gia.

3. Đã nộp phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Tổ chức lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường không có đại diện tham gia trong thành phần hội đồng thẩm định do Bộ, cơ quan ngang bộ thành lập

1. Cơ quan thường trực thẩm định gửi báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đến Sở Tài nguyên và Môi trường của các địa phương có liên quan trực tiếp đến các vấn đề môi trường của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch không có đại diện tham gia trong thành phần hội đồng thẩm định; gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Sở Tài nguyên và Môi trường nơi thực hiện dự án không có đại diện tham gia trong thành phần hội đồng thẩm định để lấy ý kiến.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định.

3. Ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường được đưa ra xem xét, thảo luận tại các cuộc họp của hội đồng thẩm định.

Điều 28. Đại biểu tham gia các cuộc họp của hội đồng thẩm định

1. Thành phần đại biểu tham gia các cuộc họp của hội đồng thẩm định do cơ quan thường trực thẩm định quyết định và mời tham dự.

2. Đại biểu tham gia được phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của hội đồng thẩm định, chịu sự điều hành của người chủ trì phiên họp, được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Nội dung và trình tự phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định

1. Ủy viên thư ký đọc quyết định thành lập hội đồng thẩm định, giới thiệu thành phần tham dự và báo cáo tóm tắt về quá trình xử lý hồ sơ thẩm định, cung cấp thông tin về các hoạt động của hội đồng thẩm định và cơ quan thường trực thẩm định đã thực hiện.

2. Người chủ trì phiên họp điều hành phiên họp theo thẩm quyền được quy định tại Khoản 1 Điều 22 Thông tư này.

3. Chủ dự án hoặc đơn vị tư vấn được chủ dự án ủy quyền trình bày tóm tắt nội dung báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4. Chủ dự án và các thành viên hội đồng thẩm định trao đổi, thảo luận về những vấn đề chưa rõ (nếu có) của hồ sơ.

5. Các ủy viên phản biện và các thành viên khác trong hội đồng thẩm định trình bày bản nhận xét.

6. Ủy viên thư ký đọc bản nhận xét của các thành viên hội đồng thẩm định vắng mặt (nếu có).

7. Các đại biểu tham dự phát biểu ý kiến (nếu có).

8. Hội đồng thẩm định có thể họp riêng (do người chủ trì phiên họp quyết định) để thống nhất nội dung kết luận của hội đồng thẩm định.

9. Người chủ trì phiên họp công bố kết luận của hội đồng thẩm định.

10. Các thành viên hội đồng thẩm định có ý kiến khác với kết luận của người chủ trì phiên họp đưa ra (nếu có).

11. Chủ dự án phát biểu (nếu có).

12. Người chủ trì phiên họp tuyên bố kết thúc phiên họp.

Điều 30. Nội dung kết luận của hội đồng thẩm định

1. Kết luận của hội đồng thẩm định phải thể hiện rõ những nội dung sau đây:

a) Những tồn tại của hồ sơ; các yêu cầu, khuyến nghị liên quan đến việc hoàn chỉnh hồ sơ (nếu có) dựa trên cơ sở ý kiến của các thành viên hội đồng thẩm định;

b) Căn cứ kết quả kiểm phiếu thẩm định theo nguyên tắc được quy định tại Khoản 2 Điều này, kết luận theo một (01) trong ba (03) mức độ: thông qua; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua.

2. Nguyên tắc đưa ra kết quả thẩm định:

a) Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: khi tất cả thành viên hội đồng thẩm định tham dự phiên họp có phiếu thẩm định nhất trí thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung;

b) Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên hội đồng tham dự, trong đó bắt buộc phải có ít nhất một (01) Ủy viên phản biện, có phiếu thẩm định đồng ý thông qua hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung;

c) Không thông qua: khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên hội đồng tham dự có phiếu thẩm định không thông qua hoặc cả hai (02) Ủy viên phản biện có phiếu thẩm định không thông qua.

Điều 31. Hình thức và nội dung biên bản phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định

1. Biên bản phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định được thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 4.6 Thông tư này. Ý kiến của chủ dự án, của các thành viên hội đồng, của các đại biểu tham dự phiên họp phải được ghi chép đầy đủ, trung thực trong biên bản phiên họp.

2. Biên bản phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định phải được người chủ trì phiên họp và Ủy viên thư ký ký vào phía dưới của từng trang, ký và ghi rõ họ tên, chức danh trong hội đồng ở trang cuối cùng.

Chương VI
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 32. Trách nhiệm xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục 5.1 Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, trừ các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã được Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ủy quyền xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của mình đối với dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình nằm trên địa bàn một (01) xã. Văn bản ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.2 Thông tư này.

4. Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này xem xét, ủy quyền xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP. Văn bản ủy quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.3 Thông tư này.

Điều 33. Hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký của Sở Tài nguyên và Môi trường gồm:

- a) Ba (03) bản kế hoạch bảo vệ môi trường với trang bìa và yêu cầu về nội dung thực hiện theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục 5.4 và 5.5 Thông tư này;
- b) Một (01) báo cáo đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

2. Hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký của Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:

a) Ba (03) bản kế hoạch bảo vệ môi trường với yêu cầu về cấu trúc và nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.6 Thông tư này;

b) Một (01) báo cáo đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của chủ dự án.

3. Trường hợp đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường tại cơ quan được ủy quyền, hồ sơ được thực hiện theo quy định tương ứng với hồ sơ đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền.

Điều 34. Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.7 Thông tư này. Trường hợp chưa xác nhận phải có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.8 Thông tư này.

Điều 35. Thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Trách nhiệm của chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cơ quan nhà nước sau khi kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận quy định tại Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

2. Đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường phải đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường. Việc đăng ký lại, trách nhiệm và thời hạn xác nhận đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 32, 33 và 34 Thông tư này.

3. Trường hợp có thay đổi chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì chủ dự án, chủ cơ sở mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận đăng ký.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường; kiểm tra, xác nhận công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục xem xét giải quyết theo quy định của Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị

định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, trừ các hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2015, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lại tổ chức, cá nhân các hồ sơ đã tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính về môi trường đối với các trường hợp sau:

a) Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch không thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục I Nghị định số 18/2015/NĐ-CP;

b) Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án không thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP;

c) Hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án không thuộc đối tượng quy định tại cột 4 Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP;

d) Hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

Điều 37. Tổ chức thực hiện

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; hoạt động thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; hoạt động đăng ký và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường; hoạt động kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP thực hiện theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục 6.1, 6.2, 6.3, 6.4, 6.5 và 6.6 Thông tư này.

2. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn làm cơ quan thường trực thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền.

Điều 38. Điều khoản thi hành

1. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2015 và thay thế Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều Nghị định số 29/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để hướng dẫn, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, PC, TCMT(34), TĐ.320.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Quang
Nguyễn Minh Quang

Phụ lục 1.1

Mẫu văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

V/v đề nghị thẩm định báo cáo
đánh giá môi trường chiến lược
của (2)

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là (1), là cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng (2) thuộc mục ...
Phụ lục I Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính
phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

(2) thuộc thẩm quyền phê duyệt của (4).

Địa chỉ liên hệ: ...

Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Gửi đến (3) hồ sơ gồm:

- Chín (09) bản báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- Chín (09) bản dự thảo (2).

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn
bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của (2).

(5)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Ghi chú: (1) Tên gọi Bộ/UBND cấp tỉnh được giao nhiệm vụ xây dựng
chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của chiến lược,
quy hoạch, kế hoạch; (3) Cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến
lược; (4) Cơ quan phê duyệt chiến lược, kế hoạch, quy hoạch; (5) Đại diện có
thẩm quyền của cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch,
kế hoạch.*

Phụ lục 1.2

Mẫu trang bìa, phụ bìa của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC
của (2)

Đại diện của (1)
(ký, ghi họ tên, đóng dấu) (*)

Đại diện của đơn vị tư vấn (nếu có)
(ký, ghi họ tên, đóng dấu) (*)

Địa danh(**), tháng ... năm ...

Ghi chú:

(1) Tên gọi Bộ/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

(*) Chỉ thể hiện tại trang phụ bìa.

(**) Địa danh cấp tỉnh nơi thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch hoặc nơi đặt trụ sở chính của cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Phụ lục 1.3

Cấu trúc và nội dung của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết, cơ sở pháp lý của nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch

- Tóm tắt về sự cần thiết và hoàn cảnh ra đời của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, trong đó nêu rõ là loại chiến lược, quy hoạch, kế hoạch mới hoặc chiến lược, quy hoạch, kế hoạch điều chỉnh (sau đây gọi là CQK).

- Cơ sở pháp lý của nhiệm vụ xây dựng CQK.
- Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng CQK.
- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt CQK.

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược

2.1. Căn cứ pháp luật

- Liệt kê các văn bản pháp luật làm căn cứ để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của CQK, trong đó nêu đầy đủ chính xác: mã số, tên, ngày ban hành, cơ quan ban hành của từng văn bản và đối tượng điều chỉnh của văn bản.

- Liệt kê đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật liên quan khác được sử dụng để thực hiện ĐMC của CQK.

2.2. Căn cứ kỹ thuật

Liệt kê các hướng dẫn kỹ thuật về ĐMC và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác được sử dụng để thực hiện ĐMC của CQK.

2.3. Phương pháp thực hiện ĐMC

- Liệt kê đầy đủ các phương pháp ĐMC và các phương pháp có liên quan khác đã được sử dụng để thực hiện ĐMC

- Đối với từng phương pháp được sử dụng cần chỉ rõ cơ sở của việc lựa chọn các phương pháp.

- Chỉ rõ phương pháp được sử dụng như thế nào và ở bước nào của quá trình thực hiện ĐMC.

2.4. Tài liệu, dữ liệu cho thực hiện ĐMC

- Liệt kê đầy đủ các tài liệu, dữ liệu sẵn có đã được sử dụng để thực hiện ĐMC.

- Liệt kê đầy đủ các tài liệu, dữ liệu được thu thập bổ sung trong quá trình thực hiện ĐMC.

- Liệt kê đầy đủ các tài liệu, dữ liệu tự tạo lập bởi cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng CQK, của đơn vị tư vấn về ĐMC (từ các hoạt động điều tra, khảo sát, phân tích,...).

3. Tổ chức thực hiện ĐMC

- Mô tả mối liên kết giữa quá trình lập CQK với quá trình thực hiện ĐMC với việc thể hiện rõ các bước thực hiện ĐMC được gắn kết với các bước lập CQK (có thể được minh họa dưới dạng một sơ đồ khối hoặc bảng).

- Nêu tóm tắt về việc tổ chức, cách thức hoạt động của tổ chuyên gia do cơ quan xây dựng CQK lập hoặc đơn vị tư vấn thực hiện ĐMC của CQK.

- Danh sách (họ tên, học vị, học hàm, chuyên môn được đào tạo) và vai trò, nhiệm vụ của từng thành viên trực tiếp tham gia trong quá trình thực hiện ĐMC được thể hiện dưới dạng bảng.

- Mô tả cụ thể về quá trình làm việc, thảo luận của tổ chuyên gia hoặc đơn vị tư vấn về ĐMC với đơn vị hoặc tổ chuyên gia lập CQK nhằm lồng ghép các nội dung về môi trường vào trong từng giai đoạn của quá trình lập CQK.

Chương 1

TÓM TẮT NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH

1.1. Tên của CQK

Nêu đầy đủ, chính xác tên của CQK.

1.2. Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng CQK

Nêu đầy đủ, chính xác tên của cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng CQK: tên gọi, địa chỉ, số điện thoại, fax, E-mail.

1.3. Mối quan hệ của CQK được đề xuất với các CQK khác có liên quan

- Liệt kê các CQK khác đã được phê duyệt có liên quan đến CQK được đề xuất.

- Phân tích khái quát mối quan hệ qua lại giữa CQK được đề xuất với các CQK khác có liên quan.

1.4. Mô tả tóm tắt nội dung của CQK

- Phạm vi không gian và thời kỳ của CQK.

- Các quan điểm và mục tiêu của CQK; các quan điểm và mục tiêu chính về bảo vệ môi trường của CQK.

- Các phương án của CQK và phương án được chọn.

- Các nội dung chính của CQK.

- Các định hướng và giải pháp chính về bảo vệ môi trường của CQK.

- Các định hướng về bảo tồn đa dạng sinh học (nếu có).

- Các giải pháp về cơ chế, chính sách.

- Các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm, ưu tiên.
- Phương án tổ chức thực hiện CQK.

Chương 2

PHẠM VI ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC VÀ ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI

2.1. Phạm vi không gian và thời gian của đánh giá môi trường chiến lược

2.1.1. Phạm vi không gian

Nêu rõ phạm vi không gian thực hiện ĐMC (phạm vi không gian thực hiện ĐMC là những vùng lãnh thổ có khả năng chịu tác động (tiêu cực, tích cực) bởi việc thực hiện CQK).

2.1.2. Phạm vi thời gian

Thể hiện rõ khoảng thời gian được xem xét, dự báo, đánh giá tác động của CQK trong quá trình ĐMC.

2.2. Điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội (KT-XH)

2.2.1. Điều kiện địa lý, địa chất

- Mô tả tổng quát điều kiện địa lý, địa chất, của vùng có khả năng ảnh hưởng bởi các tác động (tiêu cực, tích cực) của CQK.

- Mô tả tổng quát đặc điểm địa hình, cảnh quan khu vực, trong đó đặc biệt chi tiết đối với các danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp quốc tế (di sản thiên nhiên), cấp khu vực, cấp quốc gia phân bố trên khu vực có khả năng tác động bởi các tác động (tiêu cực, tích cực) của CQK.

2.2.2. Điều kiện khí tượng, thủy văn/hải văn

- Mô tả tổng quát về điều kiện khí tượng gồm chế độ nhiệt, chế độ nắng, chế độ mưa, chế độ gió và các điều kiện khí tượng khác.

- Mô tả tổng quát về điều kiện thủy văn gồm đặc điểm hệ thống sông, suối chính và chi tiết hơn đối với các hệ thống sông, suối có khả năng chịu tác động bởi phân bố trên khu vực CQK.

- Mô tả tổng quát về điều kiện hải văn (đối với vùng CQK liên quan đến biển).

- Liệt kê các hiện tượng khí tượng cực đoan (lốc, bão, lũ lụt, v.v.) đã xảy ra trên khu vực CQK.

- Mô tả các biểu hiện của biến đổi khí hậu trên khu vực CQK.

2.2.3. Hiện trạng các thành phần môi trường tự nhiên

- Mô tả tổng quát hiện trạng các thành phần môi trường gồm môi trường đất, môi trường nước và môi trường không khí thuộc vùng có khả năng chịu tác động bởi CQK.

- Mô tả tổng quát đặc điểm hệ sinh thái, tính đa dạng sinh học (phong phú về gen, loài) trên cạn và dưới nước thuộc vùng CQK có khả năng chịu tác động (tiêu cực, tích cực) bởi CQK bao gồm: đặc điểm thảm thực vật (rừng), các khu bảo tồn thiên nhiên; các loài động, thực vật hoang dã, quý hiếm, đặc hữu, các loài nguy cấp và các loài ngoại lai.

- Các dịch vụ hệ sinh thái đang được khai thác và tiềm năng thuộc vùng CQK.

2.2.4. Điều kiện về kinh tế

Mô tả tổng quát về hiện trạng hoạt động của các ngành kinh tế chính thuộc khu vực CQK (công nghiệp, nông nghiệp, khai khoáng, giao thông vận tải, du lịch, thương mại và ngành khác) có khả năng chịu tác động bởi CQK.

2.2.5. Điều kiện về xã hội

- Các công trình văn hóa, lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng và các công trình quan trọng khác có khả năng chịu tác động (tiêu cực, tích cực) bởi CQK.

- Mô tả về dân số, đặc điểm các dân tộc (nếu khu vực có các dân tộc thiểu số), mức sống, tỷ lệ hộ nghèo thuộc khu vực có khả năng chịu tác động (tiêu cực, tích cực) bởi CQK.

Lưu ý:

- Nội dung trình bày về môi trường tự nhiên và môi trường KT-XH thuộc khu vực chịu tác động bởi CQK chỉ tập trung vào các thành phần môi trường, KT-XH có tiềm năng chịu tác động bởi việc thực hiện CQK, có xét đến biến đổi khí hậu.

- Số liệu phải có chuỗi thời gian ít nhất là năm (05) năm tính đến thời điểm thực hiện ĐMC.

- Thông tin, số liệu về chất lượng các thành phần môi trường phải được chỉ dẫn nguồn tài liệu, dữ liệu sẵn có (tham khảo) và các số liệu dữ liệu khảo sát, đo đạc, phân tích được thực hiện trong quá trình ĐMC.

Chương 3

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH ĐẾN MÔI TRƯỜNG

3.1. Các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường được lựa chọn

- Liệt kê các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu được lựa chọn từ các văn bản chính thống liên quan như: nghị quyết, chỉ thị của đảng; văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước; chiến lược, quy hoạch bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; chiến lược, quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; biến đổi khí hậu và các văn bản khác có liên quan.

3.2. Đánh giá sự phù hợp của CQK với quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường

- Đánh giá sự phù hợp/không phù hợp hoặc mâu thuẫn giữa quan điểm, mục tiêu của CQK với các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường liên quan trong các văn bản nêu tại mục 3.1.

- Dự báo tác động (tiêu cực, tích cực) của các quan điểm, mục tiêu của CQK đến các quan điểm, mục tiêu bảo vệ môi trường liên quan trong các văn bản nêu tại mục 3.1.

3.3. Đánh giá, so sánh các phương án phát triển đề xuất

- Đánh giá những ảnh hưởng tiêu cực, tích cực lên các mục tiêu về bảo vệ môi trường, các xu thế môi trường của từng phương án phát triển đề xuất.

- Khuyến nghị phương án lựa chọn.

Lưu ý: Nội dung này chỉ thực hiện khi CQK có từ hai (02) phương án phát triển trở lên.

3.4. Những vấn đề môi trường chính

- Nêu rõ các vấn đề môi trường chính liên quan đến CQK cần xem xét trong ĐMC.

Lưu ý:

- Làm rõ cơ sở để lựa chọn các vấn đề môi trường chính liên quan đến CQK.

- Các vấn đề môi trường chính cần được mã số hóa và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và thống nhất ở các phần tiếp theo của báo cáo ĐMC.

3.5. Dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện CQK (phương án 0)

- Xác định các nguyên nhân chính có tiềm năng tác động đến môi trường của khu vực trước thời điểm thực hiện CQK như các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dự án đầu tư đang triển khai, các quy hoạch, dự án đã được phê duyệt và sẽ triển khai trong tương lai gần, các động lực thị trường, biến đổi khí hậu, v.v..

- Dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính, xu hướng phát thải khí nhà kính của khu vực.

3.6. Dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện CQK

3.6.1. Đánh giá, dự báo tác động của CQK đến môi trường

- Xác định các tác động của CQK đến môi trường khu vực.

- Đánh giá tác động của CQK đến môi trường: xác định rõ đối tượng chịu tác động, phạm vi không gian và thời gian của tác động, mức độ nghiêm trọng của tác động, xác suất của tác động.

Lưu ý: Cần đánh giá cả tác động tiêu cực và tích cực, tác động trực tiếp, gián tiếp và tác động tích lũy.

3.6.2. Dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính

- Dự báo xu hướng của từng vấn đề môi trường chính đã được xác định theo không gian và thời gian.

3.6.3. Dự báo xu hướng tác động của biến đổi khí hậu trong việc thực hiện CQK

- Dự báo tác động của các kịch bản biến đổi khí hậu đối với CQK.

- Dự báo tác động của CQK đối với xu hướng biến đổi khí hậu.

Lưu ý: Cần dự báo tiềm năng phát thải khí nhà kính, khả năng hấp thụ khí CO₂ từ các hoạt động của CQK.

3.7. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy và các vấn đề còn chưa chắc chắn của các dự báo

- Xác định và nêu rõ những vấn đề còn chưa chắc chắn, thiếu tin cậy trong ĐMC, đặc biệt là về dự báo, đánh giá tác động, mức độ nghiêm trọng, phạm vi không gian, thời gian của tác động, v.v..

- Trình bày rõ lý do, nguyên nhân của từng vấn đề chưa chắc chắn, thiếu tin cậy như: từ số liệu, dữ liệu (thiếu thông tin, dữ liệu cần thiết; số liệu, dữ liệu quá cũ, thiếu độ tin cậy...); từ phương pháp đánh giá (tính phù hợp, độ tin cậy của phương pháp...); trình độ chuyên môn của các chuyên gia và các nguyên nhân khác.

Chương 4

THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

4.1. Thực hiện tham vấn

- Trình bày rõ mục tiêu của tham vấn.

- Nêu rõ nội dung tham vấn, các đối tượng được lựa chọn tham vấn và căn cứ để lựa chọn các đối tượng này.

- Mô tả quá trình tham vấn, cách thức tham vấn, trong đó nêu rõ việc tham vấn được thực hiện ở những bước nào trong quá trình thực hiện ĐMC.

Lưu ý: Việc tham vấn được thực hiện nhiều lần trong quá trình ĐMC phải nêu rõ nội dung tham vấn của mỗi lần tham vấn.

4.2. Kết quả tham vấn

- Nêu rõ kết quả tham vấn, trong đó phản ánh đầy đủ các ý kiến tích cực và tiêu cực, các ý kiến nhất trí, phản đối và các kiến nghị đối với bảo vệ môi trường, đối với nội dung CQK và các ý kiến, kiến nghị khác (nếu có).

- Làm rõ các nội dung, ý kiến đã được tiếp thu, không tiếp thu và nêu rõ lý do.

Chương 5

GIẢI PHÁP DUY TRÌ XU HƯỚNG TÍCH CỰC, PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU XU HƯỚNG TIÊU CỰC CỦA CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH

5.1. Các nội dung của CQK đã được điều chỉnh trên cơ sở kết quả của đánh giá môi trường chiến lược

5.1.1. Các đề xuất, kiến nghị từ kết quả của ĐMC

Nêu đầy đủ các đề xuất, kiến nghị dưới góc độ môi trường từ quá trình ĐMC để điều chỉnh các nội dung của CQK.

5.1.2. Các nội dung của CQK đã được điều chỉnh

Trình bày các nội dung CQK đã được điều chỉnh của cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng CQK trên cơ sở các đề xuất, kiến nghị từ quá trình ĐMC bao gồm:

- Các điều chỉnh về quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu của CQK.
- Các điều chỉnh về phương án phát triển.
- Các điều chỉnh về các dự án thành phần.
- Các điều chỉnh về phạm vi, quy mô, các giải pháp công nghệ, và các nội dung khác.
- Các điều chỉnh liên quan đến giải pháp, phương án tổ chức thực hiện CQK.

5.2. Các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, phòng ngừa, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính trong quá trình thực hiện CQK

5.2.1. Các giải pháp về tổ chức, quản lý

- Đề ra các giải pháp về tổ chức, quản lý nhằm duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực do việc thực hiện CQK.
- Nhận xét, đánh giá về tính khả thi, dự kiến cách thức thực hiện, cơ quan thực hiện, cơ quan phối hợp thực hiện đối với từng giải pháp.

5.2.2. Các giải pháp về công nghệ, kỹ thuật

- Đề ra các giải pháp về mặt công nghệ, kỹ thuật nhằm phát huy các xu hướng tích cực, phòng ngừa, giảm thiểu các xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường do việc thực hiện các hoạt động, dự án của CQK.
- Nhận xét, đánh giá về tính khả thi, dự kiến cách thức thực hiện, cơ quan thực hiện, cơ quan phối hợp thực hiện đối với từng giải pháp.

5.2.3. Định hướng về đánh giá tác động môi trường (ĐTM)

Định hướng yêu cầu về nội dung ĐTM đối với các dự án đầu tư được đề xuất trong CQK, trong đó chỉ ra những vấn đề môi trường cần chú trọng, các

vùng, ngành/lĩnh vực cần phải được quan tâm về ĐTM trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

5.3. Các giải pháp giảm nhẹ, thích ứng với biến đổi khí hậu

5.3.1. Các giải pháp giảm nhẹ

Đề xuất các giải pháp quản lý, kỹ thuật để giảm nhẹ các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.

5.3.2. Các giải pháp thích ứng

Đề xuất các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong tương lai.

5.4. Các giải pháp khác (nếu có)

Chương 6

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

6.1. Quản lý môi trường

Trình bày các nội dung về quản lý môi trường trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch.

6.2. Giám sát môi trường

Chương trình giám sát môi trường gồm các nội dung:

- Mục tiêu giám sát: nêu rõ những mục tiêu cần đạt được của hoạt động giám sát.

- Trách nhiệm thực hiện giám sát: nêu rõ tổ chức, cơ quan chịu trách nhiệm chính và cách thức phối hợp giữa các cơ quan liên quan, phối hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức khác hoặc với cộng đồng trong quá trình thực hiện giám sát.

- Nội dung giám sát: nêu rõ các đối tượng giám sát, thời gian, tần suất giám sát, các thông số/chỉ thị giám sát, địa điểm giám sát (nếu có).

- Nguồn lực cho giám sát: nêu rõ nguồn lực cho thực hiện giám sát bao gồm nhân lực, kinh phí và các điều kiện vật chất khác cần thiết cho hoạt động giám sát (nếu có).

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Về mức độ ảnh hưởng tiêu cực lên môi trường của CQK

- Kết luận chung về sự phù hợp/chưa phù hợp hoặc mâu thuẫn của các mục tiêu của CQK với các mục tiêu về bảo vệ môi trường.

- Mức độ tác động tiêu cực, tích cực của CQK lên các vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu.

- Các tác động môi trường tiêu cực không thể khắc phục và nguyên nhân.

2. Về hiệu quả của ĐMC

Nêu tóm tắt về:

- Các nội dung của CQK đã được điều chỉnh trong quá trình ĐMC.
- Các vấn đề còn chưa có sự thống nhất giữa yêu cầu phát triển và bảo vệ môi trường.

3. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện CQK và kiến nghị hướng xử lý

Nêu rõ những vấn đề môi trường cần được tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện CQK.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê đầy đủ các tài liệu được tham khảo trong quá trình ĐMC và lập báo cáo ĐMC.

Các tài liệu tham khảo phải được thể hiện rõ: tên tác giả (hoặc cơ quan), tên tài liệu, năm xuất bản và cơ quan xuất bản. Tài liệu tham khảo qua internet phải chỉ rõ địa chỉ website.

Phụ lục 1.4

**Mẫu văn bản giải trình về việc tiếp thu ý kiến
của cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

V/v giải trình về việc tiếp
thu ý kiến thẩm định báo
cáo ĐMC của (2)

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

Kính gửi: (3)

Căn cứ kết quả họp hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của (2) tổ chức ngày ... tháng ... năm ..., (1) giải trình về việc tiếp thu ý kiến thẩm định báo cáo ĐMC của (2) như sau:

1. Về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo ĐMC

1.1. Các nội dung đã được tiếp thu, chỉnh sửa trong báo cáo ĐMC: *giải trình rõ các nội dung đã chỉnh sửa, chỉ rõ số trang trong báo cáo ĐMC.*

1.2. Các nội dung không được tiếp thu, chỉnh sửa: *giải trình rõ các nội dung không được tiếp thu, chỉnh sửa và lý do không tiếp thu, chỉnh sửa.*

2. Về việc điều chỉnh dự thảo (2)

2.1. Các nội dung của dự thảo (2) đã được tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến của hội đồng thẩm định: *giải trình rõ các nội dung đã chỉnh sửa, chỉ rõ số trang trong báo cáo (2).*

2.2. Các nội dung của dự thảo (2) đề xuất được giữ nguyên: *giải trình rõ các nội dung đề xuất được giữ nguyên và lý do.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng CQK; (2) Tên đầy đủ, chính xác của CQK; (3) Cơ quan thẩm định báo cáo ĐMC; (4) Đại diện có thẩm quyền của cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng CQK.

Phụ lục 1.5

Mẫu báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

V/v báo cáo kết quả thẩm định
báo cáo ĐMC của (2)

Kính gửi: (3)

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật liên quan về đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của (2), (1) báo cáo (3) kết quả thẩm định báo cáo ĐMC của (2) như sau:

1. Về quá trình thẩm định báo cáo ĐMC: *nêu tóm tắt quá trình tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo ĐMC, quá trình tổ chức thẩm định và kết quả đánh giá của hội đồng thẩm định.*

2. Về nội dung của báo cáo ĐMC sau khi đã được (4) chỉnh sửa, bổ sung: *nêu tóm tắt các nội dung đạt yêu cầu; các ý kiến cơ quan thẩm định báo cáo ĐMC chưa được tiếp thu, chỉnh sửa trong báo cáo ĐMC.*

3. Về việc điều chỉnh dự thảo (2)

3.1. Các nội dung của dự thảo (2) đã được cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng CQK điều chỉnh

3.2. Các nội dung của dự thảo (2) do cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng CQK đề xuất được giữ nguyên

3.3. Ý kiến của (1)

4. Kiến nghị của (1): *tùy theo mức độ tiếp thu, chỉnh sửa báo cáo ĐMC, (1) cần kiến nghị rõ ràng với (3) về việc phê duyệt hay chưa phê duyệt (2); chỉ đạo (4) tiếp tục thực hiện các yêu cầu, nội dung bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai (2).*

Trên đây là kết quả thẩm định báo cáo ĐMC của (2). (1) báo cáo (3) để làm cơ sở xem xét, chỉ đạo việc phê duyệt (2).

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(5)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Cơ quan thẩm định báo cáo ĐMC; (2) Tên đầy đủ, chính xác của CQK; (3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt (2); (4) Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng CQK; (5) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu (1).

Phụ lục 2.1

Mẫu văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

V/v thẩm định báo cáo ĐTM
của dự án (2)

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của (2), thuộc mục số ... Phụ lục II (hoặc thuộc mục số ... Phụ lục III) Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Dự án đầu tư do ... phê duyệt.

- Địa điểm thực hiện dự án: ...;

- Địa chỉ liên hệ: ...;

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Chúng tôi gửi đến quý (3) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

- Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) chủ dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Phụ lục 2.2

Mẫu trang bìa, trang phụ bìa của báo cáo đánh giá tác động môi trường
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

Cơ quan chủ quản/phê duyệt dự án (nếu có)
(1)

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của dự án (2)

CHỦ DỰ ÁN (*)
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (*)
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Địa danh(**), tháng ... năm ...

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ dự án;

(2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án;

(*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa;

(**) Ghi địa danh cấp tỉnh nơi thực hiện dự án hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án.

Phụ lục 2.3

Cấu trúc và nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

MỤC LỤC **DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT** **DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ**

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Trình bày tóm tắt về xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của dự án, sự cần thiết phải đầu tư dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án mới, dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nâng cấp, dự án nâng công suất, dự án điều chỉnh, dự án bổ sung hay dự án loại khác.

Lưu ý:

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất phải nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành kèm theo bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc văn bản thông báo về việc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước đó (nếu có);

- Đối với trường hợp dự án phải lập lại báo cáo phải nêu rõ lý do lập lại và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành kèm theo bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trước đó đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

1.3. Mối quan hệ của dự án với các dự án, quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt (nêu rõ hiện trạng của các dự án, quy hoạch phát triển có liên quan đến dự án).

1.4. Trường hợp dự án nằm trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác thì phải nêu rõ tên gọi của các khu đó, sao và đính kèm các văn bản sau đây (nếu có) vào Phụ lục của báo cáo ĐTM:

- Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng của khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.

- Văn bản xác nhận việc đã thực hiện, hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

Lưu ý: Cần nêu đầy đủ, chính xác về số hiệu, ngày ban hành, trích yếu nội dung, cơ quan ban hành của từng văn bản.

2.2. Liệt kê đầy đủ các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình đánh giá tác động môi trường.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

- Nêu tóm tắt về việc tổ chức thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của chủ dự án, trong đó chỉ rõ việc có thuê hay không thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM. Trường hợp không thuê đơn vị tư vấn phải nêu rõ cơ quan Chủ dự án có bộ phận chuyên môn, cán bộ chuyên trách về môi trường. Trường hợp có thuê đơn vị tư vấn, nêu rõ tên đơn vị tư vấn, họ và tên người đại diện theo pháp luật, địa chỉ liên hệ của đơn vị tư vấn.

- Danh sách (có chữ ký) của những người trực tiếp tham gia ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

Lưu ý: Nêu rõ các thành viên của chủ dự án và các thành viên của đơn vị tư vấn (nếu có), nêu rõ học hàm, học vị, chuyên ngành đào tạo, và nội dung phụ trách trong quá trình ĐTM của từng thành viên và thông tin về chứng chỉ tư vấn ĐTM, gồm có: số, ngày, tháng, cơ quan cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật về quản lý và cấp chứng chỉ tư vấn ĐTM.

4. Các phương pháp áp dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

Liệt kê đầy đủ các phương pháp đã được sử dụng cụ thể ở nội dung nào trong quá trình thực hiện ĐTM và phân thành hai (2) nhóm:

- Các phương pháp ĐTM;

- Các phương pháp khác (điều tra, khảo sát, nghiên cứu, đo đạc, phân tích môi trường, v.v.).

Lưu ý: Chỉ rõ mục đích áp dụng của từng phương pháp.

Chương 1

MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

1.1. Tên dự án

Nêu chính xác tên gọi của dự án (theo báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của dự án).

1.2. Chủ dự án

Nêu đầy đủ, chính xác tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; họ tên và chức danh của người đại diện theo pháp luật của chủ dự án.

1.3. Vị trí địa lý của dự án

Mô tả rõ ràng vị trí địa lý (gồm cả tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án trong mối tương quan với:

- Các đối tượng tự nhiên (hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối, ao, hồ và các nguồn nước khác; rừng, khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ thiên nhiên thế giới...);

- Các đối tượng kinh tế - xã hội (khu dân cư; khu đô thị; các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các công trình văn hóa, tôn giáo; các di tích lịch sử..);

- Các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án có khả năng bị tác động bởi dự án.

Lưu ý: Các thông tin về các đối tượng tại mục này phải được thể hiện trên sơ đồ vị trí địa lý ở tỷ lệ phù hợp (trường hợp cần thiết, chủ dự án bổ sung bản đồ hành chính vùng dự án hoặc ảnh vệ tinh) và có chú giải rõ ràng.

- Các phương án vị trí (nếu có) và phương án lựa chọn.

Lưu ý:

- Mô tả cụ thể hiện trạng quản lý và sử dụng đất trên diện tích đất của dự án;

- Cần thuyết minh rõ về sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy định pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.4. Nội dung chủ yếu của dự án (phương án chọn)

1.4.1. Mô tả mục tiêu của dự án

1.4.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án

Liệt kê đầy đủ, mô tả chi tiết về khối lượng và quy mô (không gian và thời gian) của các hạng mục, theo từng giai đoạn của dự án có khả năng gây tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án, kèm theo sơ đồ, bản vẽ mặt bằng tổng thể bố trí tất cả các hạng mục công trình hoặc các sơ đồ, bản vẽ riêng lẻ cho từng hạng mục công trình có khả năng gây tác động đến môi trường. Các công trình được phân thành 2 loại sau:

- Các hạng mục công trình chính: công trình phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án;

- Các hạng mục công trình phụ trợ: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, cung cấp điện, cung cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, cây xanh, trạm xử lý nước thải, nơi xử lý hoặc trạm tập kết chất thải rắn, các công trình bảo vệ rừng, tài nguyên thủy sản, phòng chống xâm nhập mặn, lan truyền nước phèn, ngăn ngừa thay đổi chế độ thủy văn, phòng chống xói lở, bồi lắng; các công trình ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ, sự cố môi trường và các công trình khác (tùy thuộc vào loại hình dự án).

1.4.3. Biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

Mô tả chi tiết, cụ thể về các biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn biện pháp, công nghệ.

1.4.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

Mô tả chi tiết, cụ thể về công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa. Trên sơ đồ minh họa, chỉ rõ các yếu tố có khả năng phát sinh, như: nguồn phát sinh chất thải và các yếu tố gây tác động khác không do chất thải gây ra như thay đổi cân bằng nước, bồi lắng, xói lở, chấn động, ồn, xâm phạm vùng sinh thái tự nhiên, xâm phạm vào khu dân cư, di tích, công trình tôn giáo văn hóa, khu sản xuất, kinh doanh.

1.4.5. Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến

Liệt kê các loại máy móc, thiết bị chính cần có của dự án.

1.4.6. Nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án

Liệt kê đầy đủ thành phần và tính chất của các loại nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án kèm theo chỉ dẫn về tên thương mại và công thức hóa học (nếu có).

1.4.7. Tiến độ thực hiện dự án

Mô tả chi tiết về tiến độ thực hiện các hạng mục công trình theo từng giai đoạn của dự án từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành, đi vào vận hành chính thức và có thể thể hiện dưới dạng biểu đồ.

1.4.8. Vốn đầu tư

Nêu rõ tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của dự án, trong đó chỉ rõ mức đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường của dự án.

1.4.9. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Thể hiện rõ nhu cầu nhân lực, cơ cấu tổ chức quản lý và mối liên hệ giữa các phòng, ban; tổ chức ăn ở, sinh hoạt cho công nhân theo các giai đoạn của dự án. Minh họa các thông tin về tổ chức quản lý của dự án bằng một sơ đồ khối.

Đối với bộ phận chuyên trách về môi trường, phải phản ánh rõ số lượng cán bộ, chuyên môn và trình độ đào tạo.

Yêu cầu:

Trên cơ sở các nội dung chủ yếu của dự án đã được trình bày ở phần trên (quy mô của dự án; các giai đoạn của dự án; biện pháp, khối lượng thi công các hạng mục công trình; công nghệ sản xuất, vận hành; nhu cầu về năng lượng, nguyên, nhiên vật liệu, nhu cầu sử dụng nước, thiết bị máy móc và tiến độ thực hiện), thống kê tóm tắt các thông tin chính dưới dạng bảng sau:

<i>Các giai đoạn của dự án</i>	<i>Các hoạt động</i>	<i>Tiến độ thực hiện</i>	<i>Công nghệ/cách thức thực hiện</i>	<i>Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh</i>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
<i>Chuẩn bị</i>				
<i>Xây dựng</i>				
<i>Vận hành</i>				
<i>Giai đoạn khác (nếu có)</i>				

- Đối với các dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất trong nội dung chương này phải làm rõ thêm các thông tin về thực trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở hiện hữu, các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nâng cấp; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung, kết nối với các hạng công trình mới.

Chương 2

ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện môi trường tự nhiên

2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất

Đề cập và mô tả những đối tượng, hiện tượng, quá trình có thể bị tác động bởi dự án (đối với dự án có làm thay đổi các yếu tố địa lý, cảnh quan; dự án khai

thác khoáng sản và dự án liên quan đến các công trình ngầm thì phải mô tả một cách chi tiết).

2.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng

Nêu rõ các yếu tố khí hậu, khí tượng đặc trưng với chuỗi số liệu đủ dài, phù hợp với loại hình dự án, địa điểm thực hiện dự án để làm cơ sở đầu vào tính toán, dự báo các tác động của dự án như nhiệt độ, hướng và vận tốc gió, lượng mưa, v.v... đặc biệt, chú ý làm rõ các hiện tượng bất thường.

2.1.3. Điều kiện thủy văn/hải văn

Mô tả đặc trưng thủy văn/hải văn với chuỗi số liệu đủ dài, phù hợp với loại hình dự án, địa điểm thực hiện dự án để làm cơ sở tính toán, dự báo các tác động của dự án như mực nước, lưu lượng, tốc độ dòng chảy, v.v..

2.1.4. Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường đất, nước, không khí

- Làm rõ chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án (lưu ý hơn đến các vùng bị ảnh hưởng ở cuối các hướng gió chủ đạo), nguồn nước tiếp nhận nước thải của dự án, chất lượng đất khu vực dự kiến thực hiện dự án, v.v..

- Đưa ra đánh giá, nhận xét về chất lượng môi trường so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nhận định về nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm; thực hiện đánh giá sơ bộ về sức chịu tải của môi trường khu vực dự án trong trường hợp có đủ cơ sở dữ liệu về môi trường trên cơ sở kết quả lấy mẫu, phân tích các thành phần môi trường.

- Nêu rõ các vị trí lấy mẫu phân tích chất lượng các thành phần môi trường theo quy định hiện hành.

- Các điểm đo đạc, lấy mẫu phải có mã số, tọa độ, có chỉ dẫn về thời gian, địa điểm, đồng thời, phải được thể hiện bằng các biểu, bảng rõ ràng và được minh họa bằng sơ đồ bố trí các điểm trên nền bản đồ khu vực thực hiện dự án. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích phải tuân thủ quy trình, quy phạm về quan trắc, phân tích môi trường và phải được thực hiện bởi đơn vị chức năng được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện.

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án.

Lưu ý: Đối với dự án có liên quan đến phóng xạ, trong mục 2.1.4 cần trình bày rõ hoạt động quan trắc phóng xạ, kết quả quan trắc; đánh giá hiện trạng và sơ bộ phân tích nguyên nhân.

2.1.5. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

Hiện trạng đa dạng sinh học của khu vực dự án và các khu vực chịu ảnh hưởng của dự án, bao gồm:

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học trên cạn có thể bị tác động bởi dự

án, bao gồm: nơi cư trú, các vùng sinh thái nhạy cảm (đất ngập nước nội địa, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di sản thiên nhiên thế giới trong và lân cận khu vực dự án); khoảng cách từ dự án đến các vùng sinh thái nhạy cảm gần nhất; diện tích các loại rừng (nếu có); danh mục và hiện trạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do dự án;

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học biển và đất ngập nước ven biển có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: đặc điểm hệ sinh thái biển và đất ngập nước ven biển, danh mục và hiện trạng các loài phiêu sinh, động vật đáy, cá và tài nguyên thủy, hải sản khác (nếu có).

Yêu cầu đối với mục 2.1:

- Cần có số liệu mới nhất về điều kiện môi trường tự nhiên trên cơ sở khảo sát thực tế do chủ đầu tư hoặc đơn vị tư vấn thực hiện. Nếu là số liệu của các đơn vị khác cần ghi rõ nguồn, thời gian khảo sát;

- Chỉ dẫn nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo, sử dụng.

2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.2.1. Điều kiện về kinh tế

Nêu rõ các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác), nghề nghiệp, thu nhập của các hộ bị ảnh hưởng do các hoạt động triển khai dự án.

2.2.2. Điều kiện về xã hội

- Nêu rõ đặc điểm dân số, điều kiện y tế, văn hóa, giáo dục, mức sống, tỷ lệ hộ nghèo, các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án.

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực dự án.

Yêu cầu đối với mục 2.2:

- Số liệu về kinh tế - xã hội phải được cập nhật tại thời điểm thực hiện ĐTM và được trích dẫn về nguồn gốc, thời gian, đảm bảo độ tin cậy;

- Đối với các dự án đầu tư vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, nội dung của mục 2.2 chỉ nêu hoạt động đầu tư phát triển và hoạt động bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

Chương 3

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Nguyên tắc chung: Việc đánh giá, dự báo tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội và cộng đồng dân cư được thực hiện theo các giai đoạn chuẩn bị, xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động

đến môi trường) của dự án (nếu có) và phải được cụ thể hóa cho từng nguồn gây tác động, đến từng đối tượng bị tác động. Mỗi tác động đều phải được đánh giá cụ thể, chi tiết về mức độ, về quy mô không gian và thời gian (đánh giá định lượng, định tính, chi tiết và cụ thể cho dự án đó bằng các phương pháp tính toán hoặc mô hình hóa (trong các trường hợp có thể sử dụng mô hình) để xác định các tác động).

3.1. Đánh giá, dự báo tác động

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn chuẩn bị của dự án

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá tính phù hợp của vị trí dự án với điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội khu vực thực hiện dự án;
- Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư (đặc biệt đối với các hộ dân bị mất đất ở, đất canh tác, mất việc làm);
- Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng (phát quang thảm thực vật, san lấp tạo mặt bằng và hoạt động khác).

3.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động khai thác vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án);
- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có các hạng mục công trình xây dựng).

3.1.3. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành của dự án

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành dự án cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải (khí, lỏng, rắn);
- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải.

3.1.4. Đánh giá, dự báo tác động giai đoạn khác (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo, phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường) của dự án (nếu có).

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần tập trung dự báo các nguồn chất thải tồn lưu sau giai đoạn vận hành và những vấn đề môi trường liên quan đến hoạt động phá dỡ các công trình, phục hồi, cải tạo môi trường khu vực dự án.

Yêu cầu đối với các mục 3.1.1, 3.1.2, 3.1.3 và 3.1.4:

- *Từng nguồn gây tác động phải được đánh giá tác động theo đối tượng bị tác động, phạm vi, mức độ tác động, xác suất xảy ra tác động, khả năng phục hồi của các đối tượng bị tác động;*

- *Cần làm rõ nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải: cần cụ thể hóa về thải lượng, tải lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thải;*

- *Cần làm rõ nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải (tiếng ồn, độ rung, xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vật, động vật hoang dã, tác động đến hệ sinh thái nhạy cảm, suy thoái các thành phần môi trường vật lý và sinh học; biến đổi đa dạng sinh học, các tác động do biến đổi khí hậu và các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải khác);*

- *Các tác động tiêu cực và tích cực quan trọng nhất cần được đánh giá, dự báo gồm: tác động đến các thành phần môi trường tự nhiên; tác động đến đa dạng sinh học; tác động đến sức khỏe cộng đồng; tác động đến biến đổi khí hậu;*

- *Việc đánh giá, dự báo các tác động đến sức khỏe cộng đồng phải làm rõ được mức độ của các tác động gắn với quy mô và phạm vi cộng đồng chịu tác động;*

- *Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất phải đánh giá, dự báo tác động tích lũy (tổng hợp) những nguồn thải mới và nguồn phát thải ở cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiện hữu.*

3.1.5. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án

- *Việc đánh giá, dự báo tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần dựa trên cơ sở kết quả dự báo rủi ro, sự cố của dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương) hoặc dựa trên cơ sở giả định các rủi ro, sự cố xảy ra trong các giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có));*

- *Chỉ dẫn cụ thể về mức độ, không gian và thời gian xảy ra tác động do rủi ro, sự cố.*

3.2. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan (như thiếu thông tin, dữ liệu; số liệu, dữ liệu hiện có đã bị lạc hậu; số liệu, dữ liệu tự tạo lập chưa có đủ độ chính xác, tin cậy; thiếu hoặc độ tin cậy của phương pháp đánh giá có hạn; trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ về ĐTM có hạn; các nguyên nhân khác).

Lưu ý: Việc đánh giá, dự báo các tác động không liên quan đến chất thải (như tiếng ồn, độ rung, xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối,

bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vật, suy thoái các thành phần môi trường vật lý; mất, suy giảm đa dạng sinh học, v.v...) phải làm rõ được quy mô, mức độ của các tác động gắn với yếu tố thời gian và đối tượng chịu tác động.

Chương 4

BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC VÀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ RỦI RO, SỰ CỐ CỦA DỰ ÁN

4.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án

4.1.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn chuẩn bị

4.1.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

4.1.3. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn vận hành

4.1.4. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn khác (nếu có)

4.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án

4.2.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn chuẩn bị

4.2.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

4.2.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn vận hành

4.2.4. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn khác (nếu có)

Trên cơ sở kết quả đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần đề xuất các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro theo từng giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có)).

4.3. Phương án tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.
- Nêu rõ tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

Yêu cầu:

- Đối với mỗi giai đoạn nêu tại mục 4.1 và 4.2 Phụ lục này, việc đề ra các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng cần phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

+ Mỗi tác động tiêu cực đã được đánh giá dự báo trong Chương 3 đều phải có biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tương ứng. Trong trường hợp không thể có biện pháp khả thi thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị về phương hướng, cách thức giải quyết;

+ Phải nêu rõ sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu, các tác động tiêu cực sẽ được giảm đến mức nào, có so sánh đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành;

+ Mỗi biện pháp đưa ra phải được cụ thể hóa về tính khả thi của biện pháp, không gian, thời gian và hiệu quả áp dụng của biện pháp;

+ Trường hợp các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu những tác động tiêu cực của dự án liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, phải kiến nghị cụ thể tên các cơ quan, tổ chức đó và đề xuất phương án phối hợp giải quyết;

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất nội dung của các Điểm 4.1.3 và 4.2.3 Phụ lục này cần nêu rõ kết quả của việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của cơ sở đang hoạt động và phân tích các nguyên nhân của các kết quả đó; hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở đang hoạt động và mối liên hệ của các công trình, biện pháp này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

Chương 5

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các Chương 1, 3, 4 dưới dạng bảng như sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
1	2	3	4	5	6	7	8
Chuẩn bị							

Xây dựng							
Vận hành							
Giai đoạn khác của dự án (nếu có)							

5.2. Chương trình giám sát môi trường

Chương trình giám sát môi trường phải được đặt ra cho suốt quá trình thực hiện dự án, được thiết kế theo các giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác của dự án (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung giám sát chất thải và giám sát các vấn đề môi trường khác, cụ thể như sau:

- Giám sát nước thải và khí thải: phải giám sát lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải, khí thải sau xử lý với tần suất tối thiểu 01 lần/03 tháng (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác); vị trí các điểm giám sát phải được mô tả rõ và thể hiện trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

- Giám sát chất thải rắn: giám sát tổng lượng thải (khi có chất thải phát sinh) tại vị trí lưu giữ tạm thời.

- Việc giám sát tự động liên tục chất thải thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể:

- + Giám sát tự động liên tục nước thải: ngoài việc giám sát định kỳ, việc giám sát tự động liên tục nước thải áp dụng đối với nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp; nước thải sau xử lý của dự án nằm ngoài khu công nghiệp có quy mô xả nước thải từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên (không bao gồm nước làm mát).

- + Giám sát tự động liên tục khí thải: ngoài việc giám sát định kỳ, việc giám sát tự động liên tục khí thải sau xử lý áp dụng đối với các dự án: sản xuất xi măng; nhà máy nhiệt điện (trừ nhà máy nhiệt điện sử dụng nhiên liệu khí tự nhiên); sản xuất phôi thép công suất trên 200.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy sản xuất hóa chất và phân bón hóa học công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy công nghiệp sản xuất dầu mỏ công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm; lò hơi công nghiệp công suất trên 20 tấn hơi/giờ.

- Giám sát môi trường xung quanh: chỉ áp dụng cho giai đoạn hoạt động của các dự án có phát sinh phóng xạ với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng; vị trí các điểm

giám sát phải được lựa chọn để đảm bảo tính đại diện và phải được mô tả rõ kèm theo sơ đồ minh họa.

- Giám sát các vấn đề môi trường khác (trong trường hợp dự án có thể gây tác động đến): các hiện tượng trượt, sụt, lở, lún, xói lở bồi lắng; sự thay đổi mực nước mặt, nước ngầm, xâm nhập mặn, xâm nhập phèn, các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các vấn đề này với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng.

Yêu cầu:

- *Đối với giám sát chất thải: chỉ thực hiện giám sát các loại chất thải hoặc thông số có trong chất thải mà dự án có khả năng phát thải ra môi trường;*

- *Phải thiết kế vị trí lấy mẫu chất thải theo quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành (nếu có);*

- *Việc lấy mẫu, đo đạc, phân tích các thông số môi trường phải được thực hiện bởi các đơn vị được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện;*

- *Kết quả giám sát các thông số môi trường phải được đối sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.*

Chương 6

THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

6.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

Nêu tóm tắt quá trình tổ chức tham vấn ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án và quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án dưới hình thức họp cộng đồng dân cư như sau:

6.1.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức tham vấn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Mô tả rõ quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng đã được thực hiện và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản do chủ dự án gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án; số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án.

Trường hợp không nhận được ý kiến trả lời bằng văn bản của một số Ủy ban cấp xã, tổ chức chịu tác động, phải chứng minh việc đã gửi văn bản đến các cơ quan này nhưng không nhận được ý kiến phản hồi.

6.1.2. Tóm tắt về quá trình tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nêu rõ việc phối hợp của chủ dự án với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án trong việc đồng chủ trì họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án, trong đó làm rõ thông tin về các thành phần tham gia cuộc họp.

6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

6.2.1. Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nêu rõ các ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức chịu tác động trực tiếp về các nội dung của báo cáo ĐTM và các kiến nghị kèm theo (nếu có).

6.2.2. Ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nêu tóm tắt các ý kiến góp ý với trình bày của chủ dự án về nội dung báo cáo ĐTM của dự án tại cuộc họp tham vấn cộng đồng dân cư; kiến nghị của cộng đồng dân cư.

6.2.3. Ý kiến phản hồi và cam kết của chủ dự án đối với các đề xuất, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn

Nêu rõ những ý kiến tiếp thu và giải trình những ý kiến không tiếp thu của chủ dự án đối với các ý kiến góp ý, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn; cam kết của chủ dự án về việc thực hiện những ý kiến tiếp thu.

Lưu ý: Bản sao các văn bản của chủ dự án gửi xin ý kiến tham vấn, văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến; bản sao Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án phải được đính kèm tại Phụ lục của báo cáo ĐTM.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Phải có kết luận về các vấn đề, như: đã nhận dạng và đánh giá được hết các tác động chưa, vấn đề gì còn chưa dự báo được; đánh giá tổng quát về mức độ, quy mô của các tác động đã xác định; mức độ khả thi của các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng chống, ứng phó các sự cố, rủi ro môi trường; các tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án và nêu rõ lý do.

2. Kiến nghị

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan giúp giải quyết các vấn đề vượt khả năng giải quyết của dự án.

3. Cam kết

Các cam kết của chủ dự án về việc thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Chương 5 (bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà dự án bắt buộc phải áp dụng); thực hiện các cam kết với cộng đồng như đã nêu tại mục 6.2.3 Chương 6 của báo cáo ĐTM; tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong các giai đoạn của dự án gồm:

- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong giai đoạn chuẩn bị của dự án;

- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn xây dựng của dự án;

- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án;

- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn đóng cửa dự án (nếu có);

- Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo (không phải do chủ dự án tự tạo lập) trong quá trình đánh giá tác động môi trường (tác giả, thời gian, tên gọi, nơi phát hành của tài liệu, dữ liệu).

Yêu cầu: Các tài liệu tham khảo phải liên kết chặt chẽ với phần thuyết minh của báo cáo ĐTM.

PHỤ LỤC

Đính kèm trong Phụ lục của báo cáo ĐTM các loại tài liệu sau đây:

- Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến dự án (không bao gồm các văn bản pháp lý chung của Nhà nước);

- Các sơ đồ (bản vẽ, bản đồ) khác liên quan đến dự án nhưng chưa được thể hiện trong các chương của báo cáo ĐTM;

- Các phiếu kết quả phân tích các thành phần môi trường (không khí, tiếng ồn, nước, đất, trầm tích, tài nguyên sinh vật...) có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của Thủ trưởng cơ quan phân tích và đóng dấu;

- Bản sao các văn bản liên quan đến tham vấn cộng đồng và các phiếu điều tra xã hội học (nếu có);

- Các hình ảnh liên quan đến khu vực dự án (nếu có);

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Yêu cầu: Các tài liệu nêu trong Phụ lục phải liên kết chặt chẽ với phần thuyết minh của báo cáo ĐTM.

Phụ lục 2.4

Mẫu văn bản của chủ dự án gửi xin ý kiến tham vấn Ủy ban nhân dân cấp xã/cơ quan, tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

Số: ...

V/v xin ý kiến tham vấn cộng đồng về nội dung báo cáo ĐTM của dự án (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

Kính gửi: (3)

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các quy định của pháp luật về đánh giá tác động môi trường (ĐTM), (1) đã lập báo cáo ĐTM của dự án (2).

(1) Gửi đến (3) báo cáo ĐTM của dự án và rất mong nhận được ý kiến tham vấn của (3).

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) chủ dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Cơ quan, tổ chức được xin ý kiến tham vấn; (4) Đại diện có thẩm quyền của (1).

Phụ lục 2.5

Mẫu văn bản trả lời của cơ quan, tổ chức được xin ý kiến tham vấn
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

V/v ý kiến tham vấn về dự án

(2)

Kính gửi: (3)

(1) nhận được Văn bản số... ngày... tháng... năm... của (3) kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2). Sau khi xem xét tài liệu này, (1) có ý kiến như sau:

1. Về các tác động tiêu cực của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng: *nêu rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý với các nội dung tương ứng được trình bày trong tài liệu gửi kèm; trường hợp không đồng ý thì chỉ rõ các nội dung, vấn đề cụ thể không đồng ý.*

2. Về các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng: *nêu rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý với các nội dung tương ứng được trình bày trong tài liệu gửi kèm; trường hợp không đồng ý thì chỉ rõ các nội dung, vấn đề cụ thể không đồng ý.*

3. Kiến nghị đối với chủ dự án: *nêu cụ thể các yêu cầu, kiến nghị của cộng đồng đối với chủ dự án liên quan đến việc cam kết thực hiện các biện pháp, giải pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội, sức khỏe cộng đồng và các kiến nghị khác có liên quan đến dự án (nếu có).*

Trên đây là ý kiến của (1) gửi (3) để xem xét và hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan, tổ chức được xin ý kiến tham vấn;

(2) Tên đầy đủ của dự án;

(3) Chủ dự án;

(4) Đại diện có thẩm quyền của (1).

Phụ lục 2.6

Mẫu biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ CHỊU TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP BỞI DỰ ÁN

Tên dự án:

Thời gian họp: ngày ... tháng ... năm ...

Địa chỉ nơi họp: ...

1. Thành phần tham dự:

1.1. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án chủ trì cuộc họp
và chỉ định người ghi biên bản cuộc họp

1.2. Chủ dự án là đồng chủ trì phiên họp

1.3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)

1.4. Đại biểu tham dự: đại diện của Ủy ban mặt trận Tổ quốc cấp xã, các tổ
chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ dân phố, thôn, bản

*Lưu ý: Lập bảng danh sách ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký của những người
tham dự.*

2. Nội dung và diễn biến cuộc họp: *(Yêu cầu ghi theo trình tự diễn biến
của cuộc họp, ghi đầy đủ, trung thực các câu hỏi, trả lời, các ý kiến trao đổi,
thảo luận của các bên tham gia cuộc họp tham vấn cộng đồng)*

2.1. Người chủ trì cuộc họp thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành
phần tham dự.

2.2. Chủ dự án trình bày tóm tắt báo cáo ĐTM của dự án gồm các nội dung
của dự án, các tác động tích cực và tiêu cực của dự án đến môi trường và sức
khỏe cộng đồng, các biện pháp giảm thiểu.

2.3. Thảo luận, trao đổi giữa cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp với
chủ dự án, Ủy ban nhân dân cấp xã về các vấn đề mà chủ dự án đã trình bày tại
cuộc họp.

*Lưu ý: Ghi chi tiết và đầy đủ các nội dung trao đổi, thảo luận, phản hồi,
kiến nghị của đại diện cộng đồng dân cư, phản hồi của chủ dự án.*

3. Người chủ trì cuộc họp tuyên bố kết thúc cuộc họp

ĐẠI DIỆN UBND CẤP XÃ
(Ký, ghi họ tên)

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN
(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục 2.7

Mẫu quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án (2)

(3)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ (4);

Căn cứ (5) (nếu có);

Theo đề nghị của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2) họp ngày... tháng... năm... tại...;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số... ngày... tháng... năm... của (6);

Xét đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2) (sau đây gọi là dự án) được lập bởi (6) (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

1.1. ...

1.2. ...

...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1. ...

2.2. ...

...

3. Các điều kiện kèm theo (nếu có):

3.1. ...

3.2. ...

...

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường (*chỉ áp dụng đối với các dự án thuộc cột 4 Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP*).

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của (1).

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm (7) thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;

- ...;

- Lưu: ...

(3)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu (1); (4) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1); (5) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền ủy quyền cho (1) thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án (nếu có); (6) Chủ dự án; (7) Cơ quan được giao trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

Phụ lục 2.8

Mẫu xác nhận báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1) xác nhận: báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2) được
phê duyệt bởi Quyết định số... ngày... tháng... năm ... của (3).

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

Thủ trưởng cơ quan xác nhận

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Ghi chú: (1) Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
hoặc cơ quan thường trực thẩm định khi được cơ quan phê duyệt báo cáo đánh
giá tác động môi trường ủy quyền xác nhận; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của
dự án; (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan phê duyệt báo cáo đánh
giá tác động môi trường.*

Phụ lục 2.9

Mẫu trang bìa kế hoạch quản lý môi trường của dự án

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

Tên cơ quan chủ quản

(1)

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

của (2)

Đại diện của (1)

(ký, ghi họ tên, đóng dấu) (*)

Địa danh(**), tháng ... năm ...

Ghi chú:

(1) Chủ dự án;

(2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án;

() Chỉ thể hiện tại trang phụ bìa;*

*(**) Địa danh cấp tỉnh nơi thực hiện dự án hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án.*

Phụ lục 2.10

Cấu trúc và nội dung của kế hoạch quản lý môi trường của dự án
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

của dự án (2)

1. Thông tin chung về dự án và chủ dự án

Tên chủ dự án:

Địa chỉ:; Điện thoại:.....; Fax:.....;

Tên dự án:

Địa điểm thực hiện dự án:

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số ... ngày ...
tháng ... năm ... của ... (3).

2. Nội dung chính của kế hoạch quản lý môi trường

2.1. Biện pháp, kế hoạch giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong giai
đoạn chuẩn bị (nếu có) và giai đoạn xây dựng dự án, bao gồm:

- Giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nước mặt (nếu có);
- Giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nước ngầm (nếu có);
- Giảm thiểu tác động xấu đến môi trường không khí (nếu có);
- Giảm thiểu tác động xấu do tiếng ồn, độ rung (nếu có);
- Giảm thiểu tác động xấu đến cộng đồng dân cư (nếu có);
- Thu gom, lưu giữ tạm thời, vận chuyển và xử lý chất thải;
- Giảm thiểu các tác động xấu khác (nếu có).

2.2. Dự kiến kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường phục vụ
giai đoạn vận hành của dự án (nếu có), bao gồm:

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt;
- Công trình xử lý nước thải sản xuất;
- Công trình xử lý khí thải;
- Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại;
- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có).

Lưu ý: nội dung kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án cần nêu rõ thời gian dự kiến xây dựng, lắp đặt và hoàn thành.

2.3. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

Lưu ý: nội dung chương trình giám sát môi trường cần nêu rõ vị trí giám sát, tần suất giám sát, thông số giám sát và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đánh giá chất lượng mẫu môi trường kèm theo sơ đồ vị trí lấy mẫu đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Chủ dự án; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Tổ chức nơi tiến hành tham vấn, cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Phụ lục 2.11

Mẫu văn bản của chủ dự án gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của dự án

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v công khai kế hoạch quản
lý môi trường của dự án (2)

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (3)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của dự án (2) (sau đây gọi tắt là dự án), đã được (4) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số... ngày ... tháng ... năm ...

Theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 27/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, xin gửi tới quý Ủy ban bản kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Ủy ban./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- (4);
- Lưu: ...

(5)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Chủ dự án; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Tên Ủy ban nhân dân cấp xã đã tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường; (4) Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; (5) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Phụ lục 2.12

Mẫu văn bản thông báo

kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (2)

**KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM
CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

của dự án (3) (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án (3))

1. Địa điểm thực hiện dự án: ...

2. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: số.....
ngày... tháng... năm... của...

3. Chủ dự án: ...

- Địa chỉ liên hệ: ...

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

4. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm (*):

(Đưa ra danh mục các công trình xử lý chất thải của dự án phải hoàn thành trước khi dự án hoặc hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án đi vào vận hành chính thức kèm theo thời gian biểu dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm).

Nơi nhận:

(4)

- Như trên;

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

- ...;

- Lưu: ...

Ghi chú:

(1) Chủ dự án; (2) Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; (3) Tên đầy đủ của dự án; (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án;

() Việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải kéo dài không quá sáu (06) tháng, kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.*

Phụ lục 2.13

**Mẫu văn bản lấy ý kiến ủy quyền thẩm định, phê duyệt
báo cáo đánh giá tác động môi trường**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

(1)

Số: ...

V/v lấy ý kiến ủy quyền thẩm
định, phê duyệt báo cáo đánh
giá tác động môi trường

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, (1) báo cáo và đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường cho ý kiến đối với việc (1) ủy quyền cho (2) thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư thực hiện tại các khu công nghiệp sau đây trên địa bàn (3):

1...

2...

....

(1) gửi kèm theo hồ sơ (*) và đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên UBND cấp tỉnh; (2) Tên Ban quản lý được ủy quyền; (3) Tên địa danh cấp tỉnh; (4) Đại diện có thẩm quyền của (1).

(*) Hồ sơ kèm theo gồm có:

1. Văn bản của (2) đề nghị (1) ủy quyền; văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị (1) ủy quyền;

2. Bản sao văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của (2); bản sao văn bản thành lập bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường của (2) kèm theo danh sách (có ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, ngạch công chức,

học hàm, học vị, chuyên ngành được đào tạo) các công chức trong bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường của (2);

3. Bản tóm tắt tình hình xây dựng cơ sở hạ tầng và bảo vệ môi trường của các khu công nghiệp trên địa bàn (1); bản sao các văn bản thành lập khu công nghiệp; quyết định phê duyệt quy hoạch khu công nghiệp; quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; bản sao giấy xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.

Phụ lục 2.14

Mẫu văn bản ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho

Ban quản lý các khu công nghiệp

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày... tháng... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

(1)

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ (2) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1);

Căn cứ Văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Trưởng Ban (3),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho (3) thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư thực hiện tại các khu công nghiệp sau đây:

1 ...

2 ...

....

Điều 2. (3) có trách nhiệm:

1. Tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường do mình phê duyệt

đối với các dự án thực hiện tại các khu công nghiệp nêu tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thực hiện giám sát công tác bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai các dự án do mình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; chủ trì trả lời ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan đến báo cáo đánh giá tác động môi trường do mình phê duyệt.

3. Chịu trách nhiệm trước (1) và trước pháp luật về việc thực hiện các nội dung được ủy quyền.

4. Tổng hợp số liệu và báo cáo định kỳ đến (1) về các nội dung thực hiện theo ủy quyền tại Quyết định này trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Thông báo rộng rãi các nội dung được ủy quyền tại Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân để biết và liên hệ công tác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày... tháng... năm...

Trưởng Ban (3), Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân (1) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- ...;

- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên UBND cấp tỉnh; (2) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1); (3) Tên Ban quản lý được ủy quyền; (4) Đại diện có thẩm quyền của (1).

Phụ lục 3.1

Mẫu văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

V/v đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn
thành công trình bảo vệ môi trường
phục vụ giai đoạn vận hành của dự án
*(hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư
của dự án)*

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (2)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của dự án (3) (sau đây gọi tắt là dự án), đã
được (4) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số...
ngày... tháng... năm...

- Địa điểm thực hiện dự án: ...
- Địa chỉ liên hệ: ...
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Đã thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành
của dự án *(hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án)* gồm có:

1...

2...

...

*(Lưu ý: ghi rõ các hạng mục/phân kỳ của dự án đang đề nghị xác nhận
hoàn thành công trình xử lý môi trường)*

Gửi đến quý (2) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác
động môi trường đã được (4) phê duyệt;
- Bảy (07) bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường
phục vụ giai đoạn vận hành của dự án *(trường hợp dự án nằm trên diện tích đất
của từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, phải gửi thêm số lượng
báo cáo bằng số lượng các tỉnh tăng thêm, hoặc số lượng tăng thêm theo yêu cầu
của (2) để phục vụ công tác kiểm tra);*

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu được đưa ra
trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị quý (2) kiểm tra, xác nhận việc (1) đã hoàn thành công trình, bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án *(hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án)*./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu: ...

(5)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Chủ dự án;

(2) Tên cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận;

(3) Tên đầy đủ của dự án;

(4) Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

(5) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Phụ lục 3.2

Mẫu báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (2)

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH

của Dự án (3)

1. Thông tin chung về dự án:

Tên chủ dự án:

Địa chỉ văn phòng:

Điện thoại:..... Fax: E-mail:.....

Địa điểm thực hiện dự án:

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số ... ngày ...
tháng ... năm ... của ...

2. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án) đã hoàn thành

2.1. Công trình xử lý nước thải

2.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải, thoát nước (cần mô tả rõ các thông
số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước; vị trí của các công trình này kèm
theo sơ đồ minh họa)

2.1.2. Công trình xử lý nước thải đã được xây lắp: (cần mô tả rõ quy
trình công nghệ, quy mô công suất, các thông số kỹ thuật của công trình, các
thiết bị đã được xây lắp)

2.1.3. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (cần
nêu rõ tên và địa chỉ liên hệ của đơn vị thực hiện việc đo đạc, lấy mẫu phân tích
về môi trường: thời gian, phương pháp, khối lượng mẫu giả định được tạo lập
(nếu có); thời gian tiến hành đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu; thiết bị, phương
pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu được sử dụng)

Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải được trình bày
theo mẫu bảng sau:

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; Tiêu chuẩn, Quy chuẩn đối chiếu.	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số ô nhiễm đặc trưng(*) của dự án					
		Thông số A (Đơn vị tính)		Thông số B (Đơn vị tính)		v.v...	
		Trước khi xử lý	Sau khi xử lý	Trước khi xử lý	Sau khi xử lý	Trước khi xử lý	Sau khi xử lý
Lần 1							
...							
...							
TCVN/QCVN.....							

Ghi chú:

(*) Thông số ô nhiễm đặc trưng của dự án là những thông số ô nhiễm do dự án trực tiếp hoặc gián tiếp tạo ra.

2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải: cần liệt kê đầy đủ các công trình; biện pháp xử lý bụi, khí thải đã được xây lắp; nguồn gốc và hiệu quả xử lý của các thiết bị xử lý bụi, khí thải chính đã được lắp đặt; kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý bụi, khí thải và thống kê dưới dạng bảng tương tự như đối với nước thải (trừ cột trước khi xử lý).

2.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn: mô tả công trình lưu giữ chất thải rắn; làm rõ quy mô, các thông số kỹ thuật kèm theo thiết kế chi tiết của các công trình xử lý chất thải rắn trong trường hợp chủ dự án tự xử lý.

2.4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: mô tả công trình lưu giữ chất thải nguy hại; làm rõ quy mô, các thông số kỹ thuật kèm theo thiết kế chi tiết của các công trình xử lý chất thải rắn trong trường hợp chủ dự án tự xử lý.

2.5. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và các công trình bảo vệ môi trường khác: (nếu có)

3. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt (kết quả trình bày cần thể hiện dưới dạng bảng có thuyết minh kèm theo, trong đó nêu rõ những nội dung đã được điều chỉnh, thay đổi và văn bản đồng ý/cho phép của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM)

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Văn bản đồng ý/cho phép của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM
1.	...	...	...	
2...	...	...	...	

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Chủ dự án; (2) Tên cơ quan kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; (3) Tên đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án (3); (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Phụ lục kèm theo báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, bao gồm các tài liệu sau (tùy loại hình dự án và từng dự án cụ thể mà có thể có một số hoặc tất cả các tài liệu này):

- Các bản vẽ kỹ thuật hoặc hồ sơ thuyết minh công trình bảo vệ môi trường;
- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các thiết bị xử lý môi trường đồng bộ nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;
- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thay đổi, điều chỉnh báo cáo ĐTM của dự án;
- Biên bản nghiệm thu các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường.

Phụ lục 3.3

Mẫu Quyết định thành lập đoàn kiểm tra việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (2)

(3)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ (4);

Căn cứ Quyết định số... ngày... tháng... năm... của (5) về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2);

Xét đề nghị của (6) tại Văn bản số... ngày... tháng... năm về việc đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án (2);

Theo đề nghị của (7),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (2) (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án (2)) gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Nơi công tác	Chức danh trong Đoàn kiểm tra
1	...	...	...	Trưởng đoàn
2	...	...	...	Phó Trưởng đoàn
3	...	...	...	Thư ký
4	...	...	...	Thành viên

Điều 2. Đoàn kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra và lập biên bản kiểm tra việc (6) đã thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (2) theo quy định. Đoàn kiểm tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chi phí cho hoạt động của Đoàn kiểm tra được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và lấy từ nguồn kinh phí của (1).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

(6), (7) và các Ông/Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- ...;

- Lưu: ...

(3)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án (2); (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra; (4) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1); (5) Tên cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; (6) Chủ dự án; (7) Thủ trưởng cơ quan chủ trì thực hiện việc kiểm tra.

Phụ lục 3.4

Mẫu bản nhận xét, đánh giá việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường của thành viên đoàn kiểm tra

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của dự án ... (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án ...)

1. Họ và tên người nhận xét, đánh giá: ...
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác: ...
3. Nơi công tác (tên cơ quan/đơn vị, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail): ...
4. Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra: số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...
- 5 Chức danh trong Đoàn kiểm tra: ...

6. Nhận xét, đánh giá việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án *(hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án...): nhận xét ngắn gọn về những mặt được, nêu chi tiết những tồn tại của từng công trình bảo vệ môi trường đã thực hiện*

- 6.1. Công trình xử lý bụi, khí thải
- 6.2. Công trình xử lý nước thải
- 6.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường
- 6.4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại
- 6.5. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường
- 6.6. Công trình giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường khác
- 6.7. Những đề nghị, khuyến nghị

7. Kết luận về mức độ hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án: *ghi rõ một (01) trong hai (02) mức độ: đạt yêu cầu hoặc không đạt yêu cầu. Trường hợp không đạt yêu cầu cần nêu rõ lý do*

(Địa danh nơi viết nhận xét, đánh giá), ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục 3.5

Mẫu biên bản kiểm tra việc thực hiện

công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH

của dự án (1) (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án (1))

Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số... ngày... tháng... năm... của (2) đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (1) *(hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của Dự án)*:

- Thời gian kiểm tra: từ ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ... đến ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

- Đối tượng kiểm tra: dự án (1) *(hoặc các hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án)* được kiểm tra: ghi rõ tên dự án hoặc các hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án được kiểm tra

- Địa điểm kiểm tra: ghi rõ địa điểm thực hiện việc kiểm tra

- Thành phần Đoàn kiểm tra:

+ Thành viên có mặt: chỉ cần ghi số lượng thành viên có mặt trên tổng số thành viên trong quyết định thành lập Đoàn, ví dụ: 7/9

+ Thành viên vắng mặt: ghi đầy đủ số lượng, họ tên và chức danh trong Đoàn kiểm tra của các thành viên vắng mặt, lý do vắng mặt

- Đại diện chủ dự án: ghi đầy đủ họ, tên, chức vụ của đại diện có thẩm quyền của chủ dự án

- Với sự tham gia của: ghi đầy đủ họ, tên, chức vụ, đơn vị công tác của những người có mặt, nếu có

Sau khi kiểm tra, các bên liên quan thống nhất như sau:

I. Kết quả kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn hoạt động của dự án

1. Công trình thu gom, xử lý nước thải: *(Liệt kê các công trình thu gom, xử lý nước thải đã hoàn thành phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án); mô tả rõ quy mô công suất và quy trình vận hành của các công trình xử lý nước thải).*

2. Công trình xử lý bụi, khí thải: *(Liệt kê các công trình xử lý bụi, khí thải đã hoàn thành phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (hoặc của hạng*

mục/phân kỳ đầu tư của dự án); mô tả rõ quy mô công suất và quy trình vận hành của các công trình xử lý bụi, khí thải).

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại: (Liệt kê các công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại đã hoàn thành phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án); mô tả rõ quy mô công suất và quy trình vận hành của các công trình này).

4. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và các công trình, bảo vệ môi trường khác: (ghi rõ thực trạng xây dựng, lắp đặt các công trình ứng phó sự cố môi trường; các công trình bảo vệ môi trường khác đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường).

II. Các công trình bảo vệ môi trường đã được thay đổi, điều chỉnh so với phương án đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có) (liệt kê và mô tả rõ các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đã được chủ dự án thực hiện nhưng có thay đổi, điều chỉnh so với đề xuất đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và sự phù hợp với văn bản đã đồng ý/cho phép của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường).

III. Ý kiến của Đoàn kiểm tra

Chỉ ghi những tồn tại liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án) cần được tiếp tục thực hiện để đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan.

IV. Ý kiến của chủ dự án (chỉ ghi các ý kiến của chủ dự án khác với nội dung kết luận của Đoàn kiểm tra nêu tại mục I, II và III).

Biên bản được hoàn thành vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ... tại ... và đã đọc kỹ cho những người tham dự cùng nghe./.

Đại diện chủ dự án
(Ký, ghi họ tên, chức vụ)

Thư ký đoàn kiểm tra
(Ký, ghi họ tên)

Trưởng đoàn kiểm tra
(hoặc Phó Trưởng đoàn
trong trường hợp được
Trưởng đoàn ủy quyền)
(Ký, ghi họ tên)

Ghi chú:

Những người ký tại trang cuối cùng của biên bản phải ký vào phía dưới của từng trang biên bản trong trường hợp biên bản nhiều hơn một (01) trang.

(1) Tên đầy đủ, chính xác của dự án; (2) Cơ quan thành lập Đoàn kiểm tra.

Phụ lục 3.6

**Mẫu giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường
phục vụ giai đoạn vận hành của dự án**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015
của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án (2)**

(3) xác nhận:

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

Tên chủ dự án:

Địa chỉ văn phòng:

Địa điểm hoạt động:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản số:.....tại

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... Ngày cấp: Nơi cấp:

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số.....

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án (2) (tại Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục..... của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

Nơi nhận:

- (4);

-

- Lưu: ...

(3)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: ngày.....tháng.....năm của (1))

1. Công trình xử lý nước thải:

Liệt kê các công trình xử lý nước thải đã hoàn thành phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của Dự án); mô tả rõ quy mô công suất và quy trình vận hành của các công trình xử lý nước thải.

2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

Liệt kê các công trình xử lý bụi, khí thải đã hoàn thành phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của Dự án); mô tả rõ quy mô công suất và quy trình vận hành của các công trình xử lý bụi, khí thải.

3. Công trình xử lý, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Liệt kê các công trình xử lý, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại đã hoàn thành phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của Dự án); mô tả rõ quy mô công suất và quy trình vận hành của các công trình này.

4. Công trình xử lý ô nhiễm tiếng ồn và độ rung:

Liệt kê các công trình xử lý ô nhiễm tiếng ồn, độ rung đã hoàn thành phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của Dự án); mô tả rõ quy mô và quy trình xử lý của các công trình này.

5. Công trình bảo vệ môi trường khác:

6. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được (1) đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: “Kèm theo Giấy xác nhận số..... do (1) cấp lần.....ngày tháng..... năm”.

7. Yêu cầu khác:

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

Ghi chú: (1) Cơ quan kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; (2) Tên đầy đủ, chính xác của Dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của Dự án (2); (3) Thủ trưởng Cơ quan kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; (4) Chủ dự án

Phụ lục 4.1

Mẫu quyết định thành lập hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (báo cáo đánh giá tác động môi trường)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (báo cáo đánh giá tác động môi trường) của (2)

(3)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ (4);

Căn cứ (*) về việc ủy quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có);

Xét Văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của (5) về việc đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (báo cáo đánh giá tác động môi trường) của (2);

Xét đề nghị của (6),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (báo cáo đánh giá tác động môi trường) của (2) gồm các Ông (Bà) có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Học hàm, Học vị	Nơi công tác	Chức danh trong hội đồng
1	...	...	...	Chủ tịch
2	...	...	...	Phó Chủ tịch (nếu có)
3	...	...	...	Ủy viên Thư ký
4	...	...	...	Ủy viên phản biện

5	...	...	...	Ủy viên phản biện
6	...	...	...	Ủy viên
...	...	...	...	...

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ xem xét, thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (báo cáo đánh giá tác động môi trường) của (2), chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định và gửi kết quả cho (3). Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chi phí cho hoạt động của hội đồng được lấy từ nguồn thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (*đối với thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường*) hoặc lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường (*đối với thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược*) theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

(7) và các thành viên hội đồng có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ dự án;
- ...;
- Lưu: ...

(3)

(Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường; (2) Tên đầy đủ, chính xác của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch hoặc dự án; (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định; (4) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1); (5) Chủ dự án; (6) Chức danh của thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định; (7) Chức danh của thủ trưởng hoặc người đứng đầu các cơ quan liên quan trực thuộc cơ quan thẩm định;

(*) Tên đầy đủ của văn bản ủy quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Phụ lục 4.2

Mẫu bản nhận xét về báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường dành cho thành viên hội đồng không phải ủy viên phản biện

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC (BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG) CỦA ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG

1. Họ và tên người nhận xét:
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác:
3. Nơi công tác: *tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, e-mail*
4. Chức danh trong hội đồng:
5. Tên chiến lược, quy hoạch, kế hoạch hoặc tên dự án:
6. Nhận xét về báo cáo:
 - 6.1. Nhận xét chung về những ưu điểm, mặt tích cực của báo cáo:..
 - 6.2. Những nội dung chưa đạt yêu cầu, cần được chỉnh sửa, bổ sung: *nhận xét chi tiết, cụ thể theo trình tự các chương, mục của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường*
 - 6.3. Những đề nghị và lưu ý khác: *nếu có*
7. Kết luận: *nêu rõ 01 trong 03 mức độ: thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua*

(Địa danh nơi viết nhận xét), ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT

(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục 4.3

Mẫu phiếu thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Được đóng dấu treo của cơ
quan thẩm định hoặc cơ quan
thường trực thẩm định tương
ứng với tên cơ quan (1))

PHIẾU THẨM ĐỊNH **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC** **(BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)**

1. Họ và tên:
2. Nơi công tác: *tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail*
3. Lĩnh vực chuyên môn: *chỉ ghi tối đa hai (02) lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm nhất và liên quan đến việc thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường*
4. Chức danh trong hội đồng thẩm định:
5. Quyết định thành lập hội đồng thẩm định: số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...
6. Tên chiến lược, quy hoạch, kế hoạch hoặc tên dự án:
7. Ý kiến thẩm định về báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (báo cáo đánh giá tác động môi trường): *lựa chọn bằng cách ký tên vào 01 trong 03 mức: 7.1; 7.2 hoặc 7.3 sau đây:*
 - 7.1. Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung:
 - 7.2. Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:
 - 7.3. Không thông qua:
8. Kiến nghị: *đối với chủ dự án, đơn vị tư vấn lập báo cáo, cơ quan thường trực thẩm định và cơ quan phê duyệt dự án (nếu có)*

(Địa danh nơi họp), ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI VIẾT PHIẾU THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi họ tên)

Ghi chú: (1) Tên cơ quan thường trực thẩm định.

Phụ lục 4.4

Mẫu bản nhận xét báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của ủy viên phản biện

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC CỦA ỦY VIÊN PHẢN BIỆN

1. Họ và tên người nhận xét:
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác:
3. Nơi công tác: *tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail*
4. Tên chiến lược, quy hoạch, kế hoạch (CQK):
5. Nhận xét về nội dung báo cáo:
 - 5.1. Nhận xét chung về những ưu điểm, mặt tích cực của báo cáo:
 - 5.2. Những nội dung chưa đạt yêu cầu, cần được chỉnh sửa, bổ sung: *nhận xét chi tiết, cụ thể theo trình tự các chương, mục của báo cáo*
6. Những nhận xét khác:
 - 6.1. Về phương pháp áp dụng trong đánh giá môi trường chiến lược: *trong đó lưu ý đến tính thích hợp, mức độ đầy đủ của các phương pháp đã áp dụng*
 - 6.2. Về thông tin, số liệu làm cơ sở cho đánh giá môi trường chiến lược: *trong đó lưu ý đến mức độ đầy đủ, chi tiết, chính xác của các thông tin, số liệu có liên quan đến nội dung của CQK, hiện trạng môi trường và các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội có liên quan*
 - 6.3. Về mức độ thoả đáng của các đánh giá, kết luận nêu trong báo cáo:
7. Kết luận và đề nghị: *trong đó cần nêu rõ 01 trong 03 mức độ: thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua.*

(Địa danh nơi viết nhận xét), ngày... tháng ... năm...

ỦY VIÊN PHẢN BIỆN

(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục 4.5

Mẫu bản nhận xét báo cáo đánh giá tác động môi trường của ủy viên phản biện

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA ỦY VIÊN PHẢN BIỆN

1. Họ và tên người nhận xét:
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác:
3. Nơi công tác: *tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail*
4. Tên dự án:
5. Nhận xét về nội dung báo cáo:
 - 5.1. Những nội dung đạt yêu cầu: *nhận xét chung về những ưu điểm, những mặt tích cực của nội dung báo cáo*
 - 5.2. Những nội dung chưa đạt yêu cầu, cần được chỉnh sửa, bổ sung: *nhận xét chi tiết, cụ thể theo trình tự các chương, mục của báo cáo*
6. Những nhận xét khác:
 - 6.1. Về phương pháp áp dụng trong đánh giá tác động môi trường: *trong đó lưu ý đến tính thích hợp, mức độ đầy đủ của các phương pháp đã áp dụng*
 - 6.2. Về thông tin, số liệu làm cơ sở để đánh giá tác động môi trường: *trong đó lưu ý đến mức độ đầy đủ, chi tiết, chính xác của các thông tin, số liệu*
 - 6.3. Về mức độ thoả đáng của các đánh giá, kết luận nêu trong báo cáo:
7. Kết luận và đề nghị: *trong đó cần nêu rõ 01 trong 03 mức độ: thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua*

(Địa danh nơi viết nhận xét), ngày... tháng ... năm...

ỦY VIÊN PHẢN BIỆN

(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục 4.6

Mẫu biên bản họp thẩm định của hội đồng thẩm định

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN PHIÊN HỌP CHÍNH THỨC HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC (HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Tên chiến lược, quy hoạch, kế hoạch (hoặc tên dự án):

Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số... ngày ... tháng ... năm ... của ...

Thời gian họp: ngày ... tháng ... năm ...

Địa chỉ nơi họp: ...

1. Thành phần tham dự phiên họp:

1.1. Hội đồng thẩm định

- Thành viên có mặt: *chỉ nêu số lượng thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên trong quyết định thành lập Hội đồng, ví dụ: 7/9.*

- Thành viên vắng mặt: *ghi số lượng kèm theo họ tên, chức danh trong hội đồng của các thành viên vắng mặt, lý do vắng mặt; trường hợp ủy quyền tham dự họp, nêu đầy đủ tên của văn bản ủy quyền.*

1.2. Chủ dự án: *ghi rõ họ, tên, chức vụ tất cả các thành viên của cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đối với báo cáo đánh giá môi trường chiến lược hoặc chủ dự án đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường (trong Phụ lục này gọi chung là chủ dự án) tham dự họp; trường hợp ủy quyền tham dự họp, nêu đầy đủ tên của văn bản ủy quyền.*

1.3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường: *ghi rõ họ tên, học vị và chức vụ của đại diện đơn vị tư vấn tham dự họp.*

1.4. Đại biểu tham dự (nếu có):

2. Nội dung và diễn biến phiên họp: *Yêu cầu ghi theo trình tự diễn biến của phiên họp hội đồng, ghi đầy đủ, trung thực các câu hỏi, trả lời, các ý kiến trao đổi, thảo luận của các bên tham gia phiên họp hội đồng thẩm định.*

2.1. Ủy viên Thư ký thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự; giới thiệu người chủ trì phiên họp (Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch hội đồng trong trường hợp được Chủ tịch hội đồng ủy quyền) điều hành phiên họp.

2.2. Chủ dự án và đơn vị tư vấn trình bày nội dung báo cáo: *ghi những nội dung chính được chủ dự án và đơn vị tư vấn trình bày, đặc biệt chú trọng vào các nội dung trình bày khác so với báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường.*

2.3. Thảo luận, trao đổi giữa thành viên hội đồng với chủ dự án và đơn vị tư vấn về nội dung của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, nội dung của dự án và nội dung của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường: *ghi chi tiết và đầy đủ các nội dung trao đổi.*

2.4. Ý kiến nhận xét về báo cáo của các thành viên hội đồng:

2.5. Ý kiến của các đại biểu tham dự (nếu có):

2.6. Ý kiến phản hồi của chủ dự án:

3. Kết luận phiên họp

3.1. Người chủ trì phiên họp công bố kết luận của hội đồng thẩm định: *được tổng hợp trên cơ sở ý kiến của các thành viên hội đồng thẩm định, trong đó tóm tắt ngắn gọn những ưu điểm nổi trội, những nội dung đạt yêu cầu của báo cáo, những nội dung của báo cáo cần phải được chỉnh sửa, bổ sung theo từng chương, mục của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường.*

3.2. Ý kiến khác của các thành viên hội đồng thẩm định (nếu có):

3.3. Ý kiến của chủ dự án về kết luận của hội đồng:

4. Kết quả kiểm phiếu thẩm định:

4.1. Số phiếu thông qua báo cáo không cần chỉnh sửa, bổ sung:

4.2. Số phiếu thông qua báo cáo với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:

4.3. Số phiếu không thông qua báo cáo:

5. Người chủ trì phiên họp tuyên bố kết thúc phiên họp

NGƯỜI CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

(Ghi rõ là Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch hội đồng khi được Chủ tịch hội đồng ủy quyền)

(Ký, ghi họ tên)

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi họ tên)

Ghi chú: Chủ trì phiên họp và Thư ký hội đồng ký phía dưới của từng trang biên bản (trừ trang cuối).

Phụ lục 5.1

Danh mục các dự án thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

Tất cả các dự án thuộc đối tượng lập kế hoạch bảo vệ môi trường quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP thuộc các loại hình và quy mô sau:

TT	Dự án	Quy mô
1.	Dự án nằm trên địa bàn 02 huyện trở lên	Tất cả
2.	Dự án trên vùng biển có chất thải đưa vào địa bàn tỉnh xử lý	Tất cả
3.	Dự án có sử dụng đất của khu di tích lịch sử - văn hóa; khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp tỉnh; Dự án làm mất rừng; chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng; chuyển đổi mục đích đất trồng lúa	Tất cả đối với dự án có sử dụng đất của khu di tích lịch sử - văn hóa; khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp tỉnh; Tất cả các đối tượng dưới 5 ha đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; Từ 01 ha đến dưới 10 ha đối với rừng tự nhiên; Từ 10 ha đến dưới 50 ha đối với các loại rừng khác; Từ 01 ha đến dưới 5 ha đối với đất trồng lúa chuyển đổi sang đất phi nông nghiệp
4.	Dự án xây dựng cơ sở khám chữa bệnh và cơ sở y tế khác	Dưới 50 giường bệnh
5.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất clinker	Tất cả các dự án xây dựng cơ sở sản xuất clinker công suất dưới 500.000 tấn clinker/năm
6.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất tấm lợp fibro xi măng	Dưới 500.000 m ² tấm lợp fibro xi măng/năm
7.	Dự án xây dựng cảng sông, cảng biển	Tất cả các dự án xây dựng cảng tiếp nhận tàu trọng tải dưới 1.000 DWT

8.	Dự án xây dựng nhà máy thủy điện	Tất cả các dự án xây dựng hồ chứa có dung tích dưới 100.000 m ³ nước hoặc công suất dưới 10 MW
9.	Dự án xây dựng công trình hồ chứa nước	Tất cả các dự án có dung tích hồ chứa dưới 100.000 m ³ nước
10.	Dự án khai thác cát hoặc nạo vét lòng sông, cửa biển	Công suất dưới 50.000 m ³ vật liệu nguyên khai/năm
11.	Dự án khai thác khoáng sản rắn (không sử dụng các chất độc hại, hóa chất hoặc vật liệu nổ công nghiệp)	Tất cả đối với dự án có khối lượng mỏ (bao gồm khoáng sản và đất đá thải) dưới 50.000 m ³ nguyên khai/năm hoặc có tổng khối lượng mỏ (bao gồm khoáng sản và đất đá thải) dưới 1.000.000 m ³ nguyên khối
12.	Dự án chế biến khoáng sản rắn không sử dụng các chất độc hại, hóa chất	Công suất dưới 50.000 m ³ sản phẩm/năm
13.	Dự án tuyển, làm giàu đất hiếm, khoáng sản có tính phóng xạ	Tất cả các dự án có công suất dưới 500 tấn sản phẩm/năm
14.	Dự án xây dựng cơ sở tái chế, xử lý, chôn lấp hoặc tiêu hủy chất thải rắn thông thường	Tất cả các dự án có công suất từ 05 đến dưới 10 tấn chất thải rắn thông thường/ngày
15.	Dự án xây dựng nhà máy luyện kim	Tất cả đối với dự án sử dụng nguyên liệu không phải là phế liệu có công suất dưới 1.000 tấn sản phẩm/năm
16.	Dự án xây dựng cơ sở cán thép	Tất cả đối với dự án sử dụng nguyên liệu không phải là phế liệu có công suất dưới 2.000 tấn sản phẩm/năm
17.	Dự án xây dựng cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thủy	Tất cả đối với tàu có trọng tải dưới 1.000 DWT
18.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất, lắp ráp xe máy, ô tô	Tất cả đối với dự án có công suất dưới 5.000 xe máy/năm hoặc dưới 500 ô tô/năm
19.	Dự án xây dựng cơ sở chế tạo máy móc, thiết bị công cụ	Tất cả những dự án có công suất dưới 1.000 tấn sản phẩm/năm

20.	Dự án xây dựng cơ sở mạ, phun phủ và đánh bóng kim loại	Tất cả đối với dự án có công suất dưới 500 tấn sản phẩm/năm
21.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất ván ép	Tất cả các dự án có công suất dưới 100.000 m ² /năm
22.	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất sứ vệ sinh	Công suất dưới 10.000 sản phẩm/năm
23.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất đường	Công suất dưới 10.000 tấn đường/năm
24.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất bột ngọt	Công suất dưới 5.000 tấn sản phẩm/năm
25.	Dự án xây dựng cơ sở chế biến bột cá	Công suất dưới 500 tấn sản phẩm/năm
26.	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất phân hóa học	Công suất dưới 1.000 tấn sản phẩm/năm
27.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất dược phẩm, thuốc thú y	Dự án sản xuất dược phẩm, thuốc thú y không phải là vắc xin công suất dưới 50 tấn sản phẩm/năm
28.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất các sản phẩm từ sơn, hóa chất, chất dẻo	Công suất dưới 100 tấn sản phẩm/năm
29.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất chất tẩy rửa, phụ gia	Công suất dưới 100 tấn sản phẩm/năm
30.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất bột giấy và giấy từ nguyên liệu thô	Công suất dưới 300 tấn sản phẩm/năm
31.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất giấy, bao bì các tông từ bột giấy hoặc phế liệu	Công suất dưới 5.000 tấn sản phẩm/năm
32.	Dự án chế biến cao su, mủ cao su	Công suất từ 500 đến dưới 1.000 tấn sản phẩm/năm
33.	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất ắc quy, pin	Công suất dưới 50.000 KWh/năm hoặc dưới 100 tấn sản phẩm/năm
34.	Dự án có hạng mục với quy mô tương đương hoặc tính chất tương tự các dự án thứ tự từ 1 đến 33 Phụ lục này	Tất cả

Phụ lục 5.2

**Mẫu văn bản ủy quyền xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
của Ủy ban nhân dân cấp huyện cho Ủy ban nhân dân cấp xã**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

ỦY BAN NHÂN DÂN (1)

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày... tháng... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

ỦY BAN NHÂN DÂN (1)

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ (2) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân (1);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (3),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân (3) xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đối với dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình trên địa bàn (3).

Điều 2. Ủy ban nhân dân (3) có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện việc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường cho các đối tượng quy định tại Điều 1 Quyết định này theo quy định tại Điều 34 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chịu trách nhiệm trước (1) và trước pháp luật về việc thực hiện các nội dung được ủy quyền.

4. Tổng hợp số liệu và báo cáo định kỳ đến (1) về các nội dung thực hiện theo ủy quyền tại Quyết định này trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Thông báo rộng rãi các nội dung được ủy quyền tại Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân để biết và liên hệ công tác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm ... Chủ tịch Ủy ban nhân dân (3), Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân (1) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- ...;

- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên địa danh hành chính cấp huyện; (2) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân (1); (3) Tên địa danh hành chính cấp xã; (4) Đại diện có thẩm quyền (1).

Phụ lục 5.3

**Mẫu văn bản ủy quyền xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
cho Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày... tháng... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

(1)

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ (2) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1);

Theo đề nghị của Trưởng Ban (3) và...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho (3) xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của (1) đối với dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế sau đây:

1...

2 ...

...

Điều 2. (3) có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện việc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường cho các đối tượng quy định tại Điều 1 Quyết định này theo quy định tại Điều 34 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động

môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chịu trách nhiệm trước (1) và trước pháp luật về việc thực hiện các nội dung được ủy quyền.

4. Tổng hợp số liệu và báo cáo định kỳ đến (1) về các nội dung thực hiện theo ủy quyền tại Quyết định này trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Thông báo rộng rãi các nội dung được ủy quyền tại Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân để biết và liên hệ công tác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm ... Trưởng Ban (3)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-;

- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên cơ quan ủy quyền; (2) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1); (3) Tên Ban quản lý được ủy quyền; (4) Đại diện có thẩm quyền của (1).

Phụ lục 5.4

**Mẫu trang bìa của kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận
đăng ký của Sở Tài nguyên và Môi trường**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

(1)

KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của (2)

Đại diện (1) (*)
(ký, ghi họ tên, đóng dấu (nếu có))

Đại diện đơn vị tư vấn (nếu có) (*)
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Tháng... năm 20...

Ghi chú: (1) Chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; (2) Tên dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

() Chỉ thể hiện tại trang phụ bìa.*

Phụ lục 5.5

Cấu trúc và nội dung của kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký của Sở Tài nguyên và Môi trường

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh nơi thực hiện dự án), ngày... tháng... năm...

Kính gửi: (1)

Chúng tôi gửi đến (1) bản kế hoạch bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

I. Thông tin chung

1.1. Tên dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (gọi chung là dự án): nêu đúng tên gọi như được nêu trong báo cáo đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương).

1.2. Tên chủ dự án: ...

1.3. Địa chỉ liên hệ: ...

1.4. Người đại diện theo pháp luật: ...

1.5. Phương tiện liên lạc với chủ dự án: (số điện thoại, số Fax, E-mail ...).

1.6. Địa điểm thực hiện dự án:

Mô tả vị trí địa lý (tọa độ các điểm khống chế ranh giới theo hệ VN2000) của địa điểm thực hiện dự án kèm theo sơ đồ minh họa chỉ rõ các đối tượng tự nhiên (sông ngòi, ao hồ, đường giao thông,...), các đối tượng về kinh tế - xã hội (khu dân cư, khu đô thị; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử,...), hiện trạng sử dụng đất trên vị trí thực hiện dự án và các đối tượng xung quanh khác.

Chỉ rõ nguồn tiếp nhận nước thải của dự án kèm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành áp dụng đối với các nguồn này.

1.7. Quy mô dự án

Mô tả tóm lược về quá trình thi công xây dựng; quy mô/công suất sản xuất; công nghệ sản xuất; liệt kê danh mục các thiết bị, máy móc kèm theo tình trạng của chúng.

1.8. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng

- Nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất được tính theo giờ, ngày, tháng hoặc năm; phương thức cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu.

- Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước cho sản xuất.

Yêu cầu:

- Đối với trường hợp mở rộng, nâng cấp, nâng công suất của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động cần phải bổ sung thông tin về cơ sở đang hoạt động, đặc biệt là các thông tin liên quan đến các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng hoặc loại bỏ hoặc thay đổi, điều chỉnh, bổ sung.

II. Các tác động xấu đến môi trường

2.1. Tác động xấu đến môi trường do chất thải

2.1.1. Khí thải: ...

2.1.2. Nước thải: ...

2.1.3. Chất thải rắn: ...

2.1.4. Chất thải nguy hại: ...

2.1.5. Chất thải khác: ... (nếu có)

Đối với mỗi loại chất thải phải nêu đủ các thông tin về: nguồn phát sinh, tổng lượng phát sinh trên một đơn vị thời gian, thành phần chất thải. Đối với khí thải và nước thải còn phải nêu rõ hàm lượng/nồng độ của từng thành phần ô nhiễm đặc trưng và so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành trong trường hợp chưa áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động xấu.

2.2. Tác động xấu đến môi trường không do chất thải

Nêu tóm tắt các tác động xấu đến môi trường khác (nếu có) do dự án gây ra: xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; sự xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; sự bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ; sự thay đổi mực nước mặt, nước dưới đất; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; sự biến đổi vi khí hậu; sự suy thoái các thành phần môi trường; sự biến đổi đa dạng sinh học và các yếu tố khác.

Yêu cầu: các loại tác động xấu đến môi trường phải được thể hiện theo từng giai đoạn, bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các giai đoạn sau theo đặc thù của từng dự án cụ thể: (1) chuẩn bị đầu tư, (2) thi công xây dựng, (3) vận hành dự án và (4) hoàn thành dự án.

III. Kế hoạch bảo vệ môi trường

3.1. Giảm thiểu tác động xấu do chất thải

- Mỗi loại chất thải phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giải quyết tương ứng và có thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả giải quyết. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn

khổ của dự án phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

- Phải chứng minh sau khi áp dụng biện pháp giải quyết thì các chất thải sẽ được xử lý đến mức nào, có so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu quy định thì phải nêu rõ lý do và có các kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

3.2. Giảm thiểu các tác động xấu khác

Mỗi loại tác động xấu phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giảm thiểu tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả giảm thiểu tác động xấu đó. Trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

3.3. Kế hoạch giám sát môi trường

- Giám sát lưu lượng khí thải, nước thải và những thông số ô nhiễm có trong khí thải, nước thải đặc trưng cho dự án, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành, với tần suất tối thiểu một (01) lần/06 tháng. Không yêu cầu chủ dự án giám sát nước thải đối với dự án có đầu nổi nước thải để xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung và không yêu cầu chủ dự án giám sát những thông số ô nhiễm có trong khí thải, nước thải mà dự án không có khả năng phát sinh hoặc khả năng phát sinh thấp.

- Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành.

Yêu cầu:

- Ngoài việc mô tả biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường như hướng dẫn tại mục 3.1 và 3.2 Phụ lục này, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường mang tính công trình phải được liệt kê dưới dạng bảng, trong đó nêu rõ chủng loại, đặc tính kỹ thuật, số lượng cần thiết và kèm theo tiến độ xây lắp cụ thể cho từng công trình.

- Đối với đối tượng mở rộng quy mô, nâng cấp, nâng công suất, nội dung của phần III Phụ lục này cần phải nêu rõ hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở hiện hữu và mối liên hệ của các công trình này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án cải tạo, nâng cấp, nâng công suất.

IV. Cam kết

Chúng tôi cam kết về việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong kế hoạch bảo vệ môi trường đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chúng tôi gửi kèm theo đây các văn bản có liên quan đến dự án (nếu có và liệt kê cụ thể).

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường, kể cả các tài liệu đính kèm. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

(2)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: (1) Cơ quan xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; (2) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Yêu cầu: Bản kế hoạch bảo vệ môi trường được lập thành ba (03) bản gốc, có chữ ký của chủ dự án ở phía dưới từng trang và ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có) của đại diện có thẩm quyền của chủ dự án ở trang cuối cùng.

Phụ lục 5.6

Cấu trúc và nội dung của kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký của Ủy ban nhân dân cấp huyện

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Địa điểm), ngàytháng năm 20.....

Kính gửi: (1)

Gửi đến (1) kế hoạch bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

I. Thông tin chung

1.1. Tên dự án, cơ sở (gọi chung là dự án):...

1.2. Tên chủ dự án: ...

1.3. Địa chỉ liên hệ: ...

1.4. Người đại diện theo pháp luật: ...

1.5. Phương tiện liên lạc với chủ dự án: (số điện thoại, số Fax, E-mail ...).

II. Thông tin cơ bản về hoạt động sản xuất, kinh doanh

2.1. Địa điểm thực hiện dự án:

.....

2.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; sản phẩm và số lượng

.....

.....

2.4. Diện tích mặt bằng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (m²):

2.5. Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất:

.....

.....

2.6. Nhiên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất (dầu, than, củi, gas, điện...)

.....

.....

III. Kế hoạch bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Tình trạng	
	Có	Không		Có	Không
Khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công			Sử dụng phương tiện, máy móc thi công đã qua kiểm định		
			Sử dụng loại nhiên liệu ít gây ô nhiễm		
			Định kỳ bảo dưỡng phương tiện, thiết bị		
			Biện pháp khác: ...		
Bụi			Cách ly, phun nước để giảm bụi		
			Biện pháp khác: ...		
Nước thải sinh hoạt			Thu gom, tự xử lý trước khi thải ra môi trường (chỉ rõ nguồn tiếp nhận nước thải)		
			Thu gom, thuê đơn vị có chức năng để xử lý		
			Đổ thẳng ra hệ thống thoát nước thải khu vực		
			Biện pháp khác: ...		
Nước thải xây dựng			Thu gom, xử lý trước khi thải ra môi trường (chỉ rõ nguồn tiếp nhận nước thải)		
			Đổ thẳng ra hệ thống thoát nước thải khu vực		
			Biện pháp khác: ...		
Chất thải rắn xây dựng			Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng		
			Tự đổ thải tại các địa điểm quy định của địa phương (chỉ rõ địa điểm)		
			Thuê đơn vị có chức năng để xử lý		
			Biện pháp khác: ...		
Chất thải rắn sinh hoạt			Tự đổ thải tại các địa điểm quy định của địa phương (chỉ rõ địa điểm)		
			Thuê đơn vị có chức năng để xử lý		
			Biện pháp khác: ...		

Chất thải nguy hại			Thuê đơn vị có chức năng để xử lý		
			Biện pháp khác: ...		
Tiếng ồn			Định kỳ bảo dưỡng thiết bị		
			Bố trí thời gian thi công phù hợp		
			Biện pháp khác		
			...		
Rung			Định kỳ bảo dưỡng thiết bị		
			Bố trí thời gian thi công phù hợp		
			Biện pháp khác		
			...		
Nước mưa chảy tràn			Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường		
			Biện pháp khác ...		

IV. Kế hoạch bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Tình trạng	
	Có	Không		Có	Không
Bụi và khí thải			Lắp đặt hệ thống xử lý bụi và khí thải với ống khói		
			Lắp đặt quạt thông gió với bộ lọc không khí ở cuối đường ống		
			Biện pháp khác		
			...		
Nước thải sinh hoạt			Thu gom và tái sử dụng		
			Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung		
			Biện pháp khác		
			...		
Nước thải sản xuất			Thu gom và tái sử dụng		
			Xử lý nước thải cục bộ và thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung		
			Xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn quy định và thải ra môi trường (chỉ rõ nguồn tiếp nhận và quy chuẩn đạt được sau xử lý)		
			Biện pháp khác		
			...		
Nước thải từ			Thu gom và tái sử dụng		

hệ thống làm mát			Giải nhiệt và thải ra môi trường		
			Biện pháp khác		
			...		
Chất thải rắn			Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng		
			Tự xử lý		
			Thuê đơn vị có chức năng để xử lý		
			Biện pháp khác		
Chất thải nguy hại			...		
			Thuê đơn vị có chức năng để xử lý		
			Biện pháp khác		
Mùi			...		
			Lắp đặt quạt thông gió		
			Biện pháp khác		
Tiếng ồn			...		
			Định kỳ bảo dưỡng thiết bị		
			Cách âm để giảm tiếng ồn		
			Biện pháp khác		
Nhiệt dư			...		
			Lắp đặt quạt thông gió		
			Biện pháp khác		
Nước mưa chảy tràn			...		
			Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường		
			Biện pháp khác		

V. Cam kết

5.1. Chúng tôi/tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

5.2. Chúng tôi/tôi cam kết thực hiện đầy đủ các kế hoạch bảo vệ môi trường được nêu trên đây.

5.3. Chúng tôi/tôi đảm bảo độ trung thực của các thông tin và nội dung điền trong kế hoạch bảo vệ môi trường này./.

(2)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: (1) Cơ quan xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; (2) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Yêu cầu: Bản kế hoạch bảo vệ môi trường được lập thành ba (03) bản gốc, có chữ ký của chủ dự án ở phía dưới từng trang và ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có) ở trang cuối cùng.

Phụ lục 5.7

Mẫu giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(1) xác nhận (2) đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của (3) tại (1) vào ngày... tháng... năm...

(2) có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. ...

...

Kế hoạch bảo vệ môi trường của (3) kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho (2) để thực hiện và lưu được tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát (*).

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên cơ quan xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; (2) Chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; (3) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; (4) Đại diện có thẩm quyền của (1).

Phụ lục 5.8

Mẫu văn bản thông báo

về việc chưa xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc chưa xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

Kính gửi: (2)

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của (3), (1) thông báo như sau:

Kế hoạch bảo vệ môi trường của (3) chưa được xác nhận đăng ký vì các lý do sau đây:

1. ...

2. ...

...

(1) thông báo để (2) biết và thực hiện theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Cơ quan xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; (2) Chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; (3) Tên đầy đủ, chính xác của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; (4) Đại diện có thẩm quyền của (1).

Phụ lục 6.1

Mẫu báo cáo hoạt động đăng ký, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

V/v báo cáo về công tác đăng
ký, xác nhận đăng ký kế hoạch
bảo vệ môi trường

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

Kính gửi: (2)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, (1) báo cáo (2) về hoạt động đăng ký, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án, phương án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn trong thời gian (3) như sau:

1. Tổng hợp thông tin, số liệu: *thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 6.2 Thông tư này.*

2. Những khó khăn, vướng mắc: *nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức việc đăng ký, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.*

Trên đây là báo cáo của (1) kính gửi (2) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường; (2) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (3) Kỳ báo cáo quy định tại Điều 21 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; (4) Đại diện có thẩm quyền của (1).

Phụ lục 6.2

Mẫu bảng tổng hợp công tác đăng ký, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TÁC ĐĂNG KÝ, XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

năm ...

(kèm theo Văn bản số... ngày... tháng... năm... của...)

- Ủy ban nhân dân cấp huyện/Sở Tài nguyên và Môi trường: ...
- Địa chỉ liên hệ: ...
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail ...

TT	1	2	3	4	5	6
1						
...						
...						

NGƯỜI LẬP BẢNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

Báo cáo tổng hợp kết quả nêu trên trình bày trên nền Microsoft Excel, sử dụng bảng mã chuẩn quốc tế Unicode, font Times New Roman tiếng Việt theo các nội dung sau đây:

- Cột 1: Liệt kê tất cả tên các dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Cột 2: Địa điểm thực hiện dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, trong đó ghi rõ địa danh cấp xã hoặc ghi tên khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đối với trường hợp nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;
- Cột 3: Ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- Cột 4: Thời điểm xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, trong đó ghi rõ ngày, tháng, năm;
- Cột 5: Tên cơ quan thực hiện xác nhận đăng ký;
- Cột 6: Ghi chú những vấn đề khác có liên quan.

Phụ lục 6.3

Mẫu báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; đăng ký và xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

V/v hoạt động thẩm định báo cáo
đánh giá môi trường chiến lược;
thẩm định, phê duyệt báo cáo
đánh giá tác động môi trường;
kiểm tra, xác nhận hoàn thành
công trình bảo vệ môi trường;
đăng ký và xác nhận đăng ký kế
hoạch bảo vệ môi trường

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện quy định tại Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, (1) báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; đăng ký và xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn như sau:

1. Tổng hợp thông tin, số liệu: *thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 6.4 Thông tư này.*

2. Những khó khăn, vướng mắc: *nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.*

Trên đây là báo cáo của (1) gửi đến Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

(2)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (2) Đại diện có thẩm quyền của (1).

Phụ lục 6.4

Mẫu bảng tổng hợp hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; đăng ký và xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

BẢNG TỔNG HỢP HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC; THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG; KIỂM TRA, XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; ĐĂNG KÝ VÀ XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

năm ... (*)

(kèm theo Văn bản số... ngày... tháng... năm... của...)

- Tên cơ quan báo cáo: ...
- Địa chỉ liên hệ: ...
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail ...

TT	1	2	3	4	5
I	Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược				
1					
...					
II	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường				
1					
...					
III	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường				
1					
...					
IV	Đăng ký và xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường				
1					
...					

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Kỳ báo cáo thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP;

Báo cáo tổng hợp kết quả nêu trên trình bày trên nền Microsoft Excel, sử dụng bảng mã chuẩn quốc tế Unicode, font Times New Roman tiếng Việt theo các nội dung sau đây:

Cột 1: Liệt kê tất cả tên:

- Các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) trong năm báo cáo đối với mục I;

- Các dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trong năm báo cáo đối với mục II;

- Các dự án đã được phê duyệt báo cáo ĐTM và cấp giấy xác nhận việc hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành trong năm báo cáo đối với mục III;

- Các dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã được xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đối với mục IV;

Cột 2: Phạm vi của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đối với mục I; địa điểm thực hiện dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (ghi cụ thể địa danh cấp xã, huyện, tỉnh hoặc ghi tên khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đối với các dự án nằm trong các khu này kèm theo địa danh cấp huyện, tỉnh) đối với các mục II, III, IV;

Cột 3: Ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ: Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo ĐMC đối với mục I; hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM đối với mục II; hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đối với mục III; hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đối với mục IV;

Cột 4: Ghi đầy đủ số, ngày, tháng, năm của các văn bản: Văn bản báo cáo kết quả thẩm định báo cáo ĐMC đối với mục I; quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM đối với mục II; giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đối với mục III; giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đối với mục IV;

Cột 5: Ghi chú những vấn đề khác liên quan đến công tác thẩm định báo cáo ĐMC; thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

Phụ lục 6.5

Mẫu báo cáo của Bộ, cơ quan ngang bộ về hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện quy định tại Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, (1) báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của mình như sau:

1. Tổng hợp thông tin, số liệu: thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 6.6 Thông tư này.

2. Những khó khăn, vướng mắc: nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

Trên đây là báo cáo của (1) gửi đến Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(2)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Bộ, cơ quan ngang bộ; (2) Đại diện có thẩm quyền của (1).

Phụ lục 6.6

Mẫu bảng tổng hợp hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Bộ, cơ quan ngang bộ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

BẢNG TỔNG HỢP HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC; THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG; KIỂM TRA, XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

năm ... (*)

(kèm theo Văn bản số... ngày... tháng... năm... của...)

- Tên cơ quan báo cáo:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail ...

TT	1	2	3	4	5
I	Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược				
1					
...					
II	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường				
1					
...					
III	Kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường				
1					
...					

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Kỳ báo cáo thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP;

Báo cáo tổng hợp kết quả nêu trên trình bày trên nền Microsoft Excel, sử

dùng bảng mã chuẩn quốc tế Unicode, font Times New Roman tiếng Việt theo các nội dung sau đây:

Cột 1: Liệt kê tất cả tên:

- Các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) trong năm báo cáo đối với mục I;
- Các dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trong năm báo cáo đối với mục II;
- Các dự án đã được phê duyệt báo cáo ĐTM và cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành trong năm báo cáo đối với mục III;

Cột 2: Phạm vi của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đối với mục I; địa điểm thực hiện dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (ghi cụ thể địa danh cấp xã, huyện, tỉnh hoặc ghi tên khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đối với các dự án nằm trong các khu này kèm theo địa danh cấp huyện, tỉnh) đối với các mục II, III;

Cột 3: Ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ: Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo ĐMC đối với mục I; hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM đối với mục II; hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đối với mục III;

Cột 4: Ghi đầy đủ số, ngày, tháng, năm của các văn bản: Văn bản báo cáo kết quả thẩm định báo cáo ĐMC đối với mục I; quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM đối với mục II; giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đối với mục III;

Cột 5: Ghi chú những vấn đề khác liên quan đến công tác thẩm định báo cáo ĐMC; thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.